

BÀI 7

TIẾN TÌNH

1. LUU Ý VỀ CÁCH ĐỌC

Khi đọc các văn bản tiêu thuyết hiện đại, các em cần chú ý:

- Nhận biết, phân tích được một số yếu tố hình thức (ngôn từ, giọng điệu, diễn biến tâm lí, bối cảnh, điểm nhìn trần thuật,...) và nội dung (chủ đề, tư tưởng và cảm hứng) trong tiêu thuyết hiện đại.
- Chú ý một số yếu cầu cụ thể như:
 - + Xác định được vị trí, bố cục và nội dung của đoạn trích.
 - + Nhận biết được bối cảnh, người kể chuyện và điểm nhìn trần thuật, thái độ của người kể chuyện.
 - + Phân tích được tình huống truyện, tâm lí nhân vật, đặc sắc ngôn từ và giọng điệu của đoạn trích tiêu thuyết.
 - + Hiểu được ý nghĩa của nhan đề, xác định được mối liên hệ giữa nhan đề với chủ đề, tư tưởng, cảm hứng của tác phẩm.

2. VĂN BẢN ĐỌC



Đám tang lão Gô-ri-ô⁽¹⁾

(Trích *Lão Gô-ri-ô*)

BAN-DẮC (BALZAC)

(Tóm tắt: "Lão Gô-ri-ô" kể câu chuyện cuộc đời bi kịch của lão Gô-ri-ô, một nhà tư sản mới phát thời cách mạng 1789. Lão có hai cô con gái. Với tình thương con vô bờ bến, lão đã làm mọi cách để cho hai con lão được sung sướng. Hai con gái của lão lấy được chồng da giáp, dấn sâu vào xã hội thượng lưu, coi cha mình như "con bò sữa", ra sức bòn rút của cải. Lão phải bán cả gia sản để chiêu theo những đòi hỏi đóng đanh và ích kỉ của hai con. Kết cục, lão sa sút và trở nên khánchez kiệt, phải ra thuê trọ rồi chết cô đơn trong căn nhà trọ tồi tàn. Đám tang của người cha không được hai cô con gái giàu có đoái hoài, chỉ có chàng thanh niên tinh

(1) Gô-ri-ô: Goriot.

bài kinh ngắn ngữ
họ cùng với đám
xém đất xuống c
tiền dãi công, C
Cri-xtô-phơ hai
một con não lòn
chàng nhìn ngôi
nước mắt trào r
thứ nước mắt r
tay, ngâm nhữ

Ra-xti-nh
thầy thành p
đèn đã bắt đ
khoảng giữa
In-va-lít (In
muôn thâm
mật của nó

- Bây

Và đ
dự bữa t

2

Ra-xti-nhắc (Rastignac) và mấy cậu sinh viên lên Pa-ri tro học ở bên cạnh. Ra-xti-nhắc nêu b
ìn ra lo đám tang lão Gô-ri-ô xấu số.)

Đoạn trích thuộc chương cuối cùng của tiểu thuyết.

Khi cỗ xe đón đến, O-gien (Eugène) cho khiêng chiếc quan tài trở lên buồng
cụ, tháo định ra, kính cẩn đặt lên ngực ông cụ cái hình ảnh thuộc về một thời m
ben-phin (Delphine) và A-na-xta-si (Anastasie) còn bé bỏng, đồng trinh và trong
rắng, và không biết lí sự như ông cụ đã nói giữa những tiếng kêu hấp hối. Chỉ có
Ra-xti-nhắc và Cri-xtô-phơ (Christopher) cùng với hai gã đồ tuỳ đi theo chiếc xe
chở người xấu số đến nhà thờ Xanh É-chiên (Saint Étienne-du-mont), không cách
xa phố Nô-vơ Xanh – Gio-ne-vi-e (Neuve Sainte – Geneviève) mấy tí. Tới nơi, xác
chết được đặt trước một giáo đường nhỏ, thấp và tối, quanh đó chàng sinh viên đã
hoài công tìm hai cô con gái hoặc chồng họ. Chỉ có mình chàng với Cri-xtô-phơ, gã
này tự nghĩ có bốn phận làm những nghĩa vụ cuối cùng đối với một người đã làm
cho anh ta kiểm được mấy món tiền dãi công kha khá. Trong khi chờ hai vị linh
mục, chú bé hát lẽ và người bõ nhà thờ, Ra-xti-nhắc xiết chặt bàn tay Cri-xtô-phơ
mà không nói lên lời. Đúng thế đấy, cậu O-gien ạ. – Cri-xtô-phơ nói. – Ông cụ là
người tử tế và đúng đắn, chưa bao giờ to tiếng, không hề làm hại ai và chưa từng
làm điều gì nên tội.

Hai vị linh mục, chú bé hát lẽ và người bõ đi đến, họ tiến hành tất cả các nghi lễ
xứng đáng với giá tiền bảy mươi phor-răng trong một thời kì mà tôn giáo không lấy
giàu lăm để cầu kinh làm phúc. Các vị nhà đạo hát một bài thánh thi, bài kinh
Li-be-ra (Libera)⁽¹⁾, bài kinh Đơ prô-phun-đi (De profundis)⁽²⁾. Nghi lễ cử hành mất
hai mươi phút. Chỉ có mỗi một cỗ xe đưa đám cho một vị linh mục và một chú bé
hát lẽ, họ thuận đê O-gien và Cri-xtô-phơ lên ngồi cùng.

– Không có người đưa đám. – Vị linh mục nói. – Chúng ta có thể đi nhanh đê
khỏi chậm trễ, đã năm giờ rưỡi rồi.

Nhưng giữa lúc xác chết được đặt lên xe tang thì xuất hiện hai chiếc xe có treo
huy hiệu nhưng không có người ngồi, một của bá tước Đơ Re-xtô (De Restaud) và
một của nam tước Đơ Nuy-xin-ghen (De Nucingen), hai chiếc xe theo sau toàn xe
tang đến nghĩa địa Pe-rơ – La-se-dơ (Père – Lachaise). Đến sáu giờ, xác ông cụ
Gô-ri-ô được hạ huyệt, đứng chung quanh là bọn gia nhân của hai cô con gái ông cụ,

(1) Li-be-ra: kinh siêu độ.

(2) Đơ prô-phun-đi: kinh cầu hồn.

trở lên buông
/è một thời mìn
trình và trong
ip hối. Chỉ có
theo chiếc xe
, không cách
Tới nơi, xác
sinh viên đã
-xti-nhắc, gã
người đã làm
hai vị linh
Cri-xtô-pho
Ông cụ là
chưa từng

ác nghi lễ
hông lấy
bài kinh
anh mắt
chú bé
anh đê

(Tóm tắt: "Sóng mòn" kể về một đoạn đời của Thủ. Sau khi học xong, Thủ vào nam tìm việc làm. Được một thời gian, anh phải dời Sài Gòn về quê vì đau tim. Người anh họ của Thủ là Địch hùn vốn với người yêu là Oanh mở một trường tư ở ngoại ô Hà Nội. Địch muốn Thủ đứng chân Hiệu trưởng kiêm giáo viên. Ban đầu, anh hào hứng và tâm huyết với công việc dạy học, muốn cùng Địch, Oanh và San tạo dựng một ngôi trường tử tế. Nhưng được ít lâu, Thủ đâm chán nản. Nguyên nhân vì công việc thi "mệt mỏi", Oanh lại "tham lam", tính tình keo bẩn, nhỏ nhen, đối đãi "bạc bẽo". Khi chuyển từ trường ra ở trọ ngoài cùng San, Thủ thấy cuộc sống của mình và những người xung quanh tù túng, chật hẹp, bẩn tiện, vô nghĩa. Vào kì nghỉ hè,

bài kinh ngắn ngủi cầu cho ông cụ do chàng sinh viên trả tiền, vừa đọc xong là bọn họ cùng với đám người nhà đạo biến ngay. Khi hai gã đào huyệt đã hát được vài xéng đất xuống che lấp chiếc áo quan thì chúng ngẩng lên và một gã đòi Ra-xti-nhắc tiền dài công, O-gien móc túi và thấy không còn đồng nào, chàng buộc phải vay Cri-xtô-pho hai mươi xu. Sự việc này, tự nó không có gì đáng kể, đã gây cho Ra-xti-nhắc một cơn náo lòng ghê gớm. Ngày tàn, một buổi hoàng hôn ảm ướt, kích thích tinh thần, chàng nhìn ngôi mộ và vùi xuống đây giọt nước mắt cuối cùng của người trai trẻ, giọt nước mắt trào ra vì những mối xúc động thiêng liêng của một trái tim trong trắng, cái thứ nước mắt rơi xuống mặt đất rồi từ đó lại vút lên đến tận cuối trời cao. Chàng khoanh tay, ngắm những đám mây; và nhìn thấy chàng như vậy, Cri-xtô-pho bèn bỏ đi.

Ra-xti-nhắc còn lại một mình, đi mấy bước về phía đầu nghĩa địa, chàng nhìn thấy thành phố Pa-ri nằm khúc khuỷu dọc theo hai bờ sông Xen (Seine), ở đó ánh đèn đã bắt đầu lấp lánh. Đôi mắt chàng gắt chặt một cách gân nhu thèm thuồng vào khoảng giữa cột đồng trụ của quảng trường Ve-đôm (Vedôme) và đỉnh mái tròn của In-va-lít (Invalides), khoảng đó là nơi sinh hoạt của các xã hội thượng lưu mà chàng muôn thâm nhập. Chàng nhìn cái tổ ong rào rào ấy bằng con mắt hình như hút trước mặt của nó, và chàng nói những lời to tát như sau:

– Bây giờ, chỉ còn mày với ta!

Và để mở màn cho cuộc thách thức của mình với xã hội, chàng Ra-xti-nhắc đến dự bữa tối tại nhà phu nhân Đơ Nuy-xin-ghen.

(Tản trò đời (Nhiều dịch giả), NXB Văn học, Hà Nội, 2019)

2

Sóng mòn

(Trích)

NAM CAO

Thú về quê, chứng kiến những người thân làm khổ nhau vì những định kiến chật hẹp, Thú thấy cuộc sống khổ sở, vô nghĩa. Khi Thú trở lại Hà Nội thì trưởng tư phái đồng của vì chiến tranh, dân chạy bom đạn nháo nhác.)

Đoạn trích dưới đây thuộc phần kết của tiểu thuyết, kể chuyện Thú đang trên tàu rời Hà Nội về quê, anh xót xa nghĩ về đời mình, về cuộc chiến tranh đang xảy ra, về niềm khát khao và hi vọng.

Thú đứng tựa mạn tàu... Người ta không thể ước ao một buổi sáng đẹp hơn. Trời xanh lơ, tươi màu như vừa mới quét sơn. Một vài tím mây trắng lung lơ. Không gian như rộng quang ra. Ánh nắng chan hoà và rực rỡ. Nhưng Thú buồn...

Y nhìn lại đằng sau. Hà Nội lùi dần, lùi dần như muốn bỏ y. Đời y cũng lùi dần. Biết bao nhiêu là ước vọng cao xa khi còn ngồi trên ghế nhà trường! Cái đầu tóc mơn mởn co oai gòi meo meo sau nay tan tành, mòn ống phản tam thương, mắt cận thị và lưng gù, tháng tháng lĩnh lương về nuôi vợ, nuôi con? Y sẽ đỗ thành chung, y sẽ đỗ tú tài, y sẽ vào đại học đường, y sang Tây... Y sẽ thành một vĩ nhân đem những sự thay đổi lớn lao đến cho xứ sở mình. Ra khỏi trường, y thấy mình gần như là một phế nhân. Vào Sài Gòn, y đã làm một kẻ lông bông. Tuy vậy, mấy năm ở Sài Gòn cũng là một quãng thời gian đẹp của y. Ít ra, y cũng hăm hở, y đã náo nức, y đã mong chờ. Y đã ghét và yêu. Y đã say mê. Y đã ngồi ở thư viện không biết mỏi lung và đón một dịp đi Pháp không biết nán... Về Hà Nội, y sống rụt rè hơn, sèn so hờn, sống cὸm rὸm. Y chỉ còn dám nghĩ đến chuyện để dành, chuyện mua vườn, chuyện làm nhà, chuyện nuôi sống y với vợ con y. Nhưng cũng chưa đến nỗi hỏng cả mười phân. Ít ra, y cũng còn làm được một việc gì, còn kiếm nồi bát cơm của mình ăn. Nhưng nay mai, mới thật buồn. Y sẽ chẳng có việc gì làm, y sẽ ăn bám vợ! Đời y sẽ mốc lên, sẽ gi đi, sẽ mòn, sẽ mục ra ở một xó nhà quê. Người ta sẽ khinh y, vợ y sẽ khinh y, chính y sẽ khinh y. Rồi y sẽ chết mà chưa làm gì cả, chết mà chưa sống!

Nghĩ thế y thấy nghẹn ngào, thấy uất ức vô cùng! Không! Y sẽ không chịu về quê. Y sẽ đi bất cứ đâu, mặc rủi may, sống bất cứ thế nào và chết thế nào cũng được. Chết là thường. Chết ngay trong lúc sống mới thật là nhục nhã. Y sẽ đi và bắt cần tất cả!... Nhưng mà Hà Nội vẫn lùi dần, lùi dần... và đời y cũng lùi dần. Y đang lùi về một xó nhà quê. Con tàu trả y về. Y cưỡng lại làm sao, bởi vì y đang ở trên con tàu đó. Chiều hôm nay, về đến nhà, y sẽ bảo Liên rằng trường đã vỡ rồi, y hết kế sinh nhai, y sẽ ra đi, sẽ đi liều,... Liên sẽ vuốt tóc y, xoa đầu y, vỗ về y vào bảo rằng y sẽ chẳng đi đâu. Và y sẽ chẳng đi đâu. Ấy! Cái đời y là vậy! Y biết thế! Y nhu nhược quá,

hèn yếu quá! Y không bao giờ cưỡng lại, không bao giờ nhảy xuống sông, xuống bể, không bao giờ chĩa súng lục vào mặt người bê lái và ra lệnh cho hàn hầm máy, quay mũi lại. Y chỉ để mặc con tàu mang đi.

Hà Nội vẫn lùi dần, lùi dần... và bây giờ thì xa rồi, khuất hẳn rồi. Hai bên bờ sông, lần lượt qua những đồng ruộng và những khóm tre, những làng mạc xô ro, những người nhà quê bao nhiêu đời nay đương đánh vật nhau với đất. Trên những bãi sông kia, trong những làng mạc, những khóm xanh xanh kia, có biết bao nhiêu người sống như y, nhưng không bao giờ dám cưỡng lại đời mình. Đời họ là một đời tù đày. Nhưng cũng như một con trâu, họ vẫn căm cúi kéo cày, ăn cỏ, chịu roi. Ở bên kia những cánh đồng bùn lầy, là rừng xanh, cuộc sống tự do, cỏ ngập sừng. Con trâu có lẽ cũng biết vậy, nhưng chẳng bao giờ nó dám đi, chẳng bao giờ nó dám dứt đứt sợi dây thường. Cái gì giữ con trâu lại ở đồng bằng và ngăn người ta đến một cuộc đời rộng rãi hơn, đẹp đẽ hơn? Áy là thói quen, lòng sợ hãi sự đổi thay, sợ hãi những cái gì chưa tới. Áy thế mà trên đời này lại chẳng có cái gì tới hai lần. Sóng tức là thay đổi...

Bên cạnh Thú, một anh chàng nhà quê trẻ tuổi, mượn được tờ báo của một kè đồng hành, mở ra, è à đọc cho mấy người nhà quê khác nghe chung. Thú nhớ đến cuộc chiến tranh ghê gớm hiện thời. Bao nhiêu người chết! Bao nhiêu thành phố tan nát! Cái thảm sông máu, núi thây thật là rùng rợn. Nhân loại lên cơn sốt rét, đang quằn quại, nhăn nhó, rên la, tự mình lại cắn mình, tự mình lại xé mình, để đổi thay. Cái gì sẽ trôi ra? Lòng Thú đột nhiên lại hé ra một ánh sáng mong manh. Thú lại thấy hi vọng một cách vu vơ. Sau cuộc chiến tranh này, có lẽ cuộc sống sẽ dễ dàng hơn... đẹp đẽ hơn... Nhưng y lại đỏ mặt ngay. Người ta chỉ được hưởng những cái gì mình đáng hưởng thôi. Y đã làm gì chưa?

(Tuyển tập Nam Cao, NXB Văn học, Hà Nội, 2004)

3

Lạc rừng

(Trích)

TRUNG TRUNG ĐÌNH

(Tóm tắt: Tác phẩm kể chuyện Bình – một người lính miền Bắc 18 tuổi, mới đánh trận đầu đã lạc đơn vị, hoang mang đói khát giữa rừng Tây Nguyên rồi bị một nhóm người Ba-na gồm Bin, Miết, Yong bắt trói. Ban đầu, họ nghi ngờ Bình “tụt tịt”, muốn trốn theo giặc nên để ý, theo dõi Bình rất kỹ. Sau một thời gian quan sát, lắng nghe, họ đã tin tưởng anh, xem Bình như

(thành viên của bộ tộc. Bình cũng dần hiểu và đã quý mến họ hơn. Từ đây, cuộc đời Bình
vẫn sang một bước ngoặt không ngờ, trở thành du kích giữa núi rừng đại ngàn.)
Đoạn dưới đây kể chuyện Bình đối diện với tù binh Mỹ, tiếp ngay sau đó là trận càn ác
của giặc.

Mỗi khi có chuyện gì quan trọng cần trao đổi, Bin thường tỏ ra gần gũi, thân thiết
với cách lối liều và thế nào cậu cũng xưng “em” với tôi.

– Hồi hôm họp anh Yong có yêu cầu em nói cho anh rõ một vấn đề quan trọng.
anh Yong biểu phải có bí mật.

Tôi tưởng Bin vẫn còn muốn thử tôi nên làm mặt lạnh lùng:

– Minh nói thật. Minh không ngại gì hết.

– Ngại gì. Chuyên bí mật của du kích tôi mình thôi mà

Tôi chia tay tự tin, bắt tay cậu:

– Có nhiệm vụ gì quan trọng cũng được. Minh đã thề rồi mà.

Bin gõ tay tôi ra, cười hồn nhiên:

– “Một là tui nói cho anh rõ.” – Bin lại “tui”. – “Du kích làng minh bắt được
một thằng tù binh Mỹ có lâu hung rồi, nhưng chưa dẫn nó đi trả cho cấp trên. Bây giờ anh Yong ưng giao nhiệm vụ cho tui và anh đem trả nó thì nó khóc. Nó biểu ưng
lại cùng du kích. Anh có ý kiến gì không?”.

Tôi sững sốt vì có chuyện lạ lùng như vậy. Vấn đề tù hàng binh chứ đâu phải
chuyện đùa. Hồi mới nhập ngũ, chúng tôi được học rất kỹ. Đó là một trong những
chính sách tạo nên chiến thắng, nhưng lại rất dễ vi phạm kỉ luật, nếu ta lợi lòng,
du di, tuy tiện. Tôi nhớ như in gương mặt nghiêm khắc của đại đội trưởng Hồi và
chính trị viên trưởng Nhuận, hôm lên lớp cho chúng tôi về vấn đề này. Tôi sực làm
nghiêm với Bin:

– Ở lại là thế nào? Phải giải ngay nó về cho cấp trên để cấp trên khai thác.

Bin ngạc nhiên với thái độ của tôi. Cậu hỏi lại:

– Nhưng nó có gùi hàng, phát rãy giòi hung, anh Bin à.

– Thế bây giờ nó ở đâu? – Tôi hỏi.

– Ở chung với anh em ngoài rãy phía trước chó ở đâu.

– Nó chạy theo ta hay ta bắt được nó?

lại, không bao giờ nhảy xuống sông, vào mặt người bê lái và ra lệnh cho bản
con tàu mang đi... và bây giờ thì xa rồi, khuất hẳn rồi. Hai hàng nước mắt
đồng ruộng nay đương đánh vật nhau với đất. Trên ruộng
nhiều đời nay đương đánh vật nhau kia, có biệt bao
không bao giờ dám cưỡng lại đời này, có nghĩa
r một con trâu, họ vẫn cầm cuốc sống tự do, cỏ ngang
bùn lầy, là rùng xanh, cuộc sống tự do, chẳng bao giờ
nhung chẳng bao giờ nó dám đi, chẳng bao giờ
giữ con trâu lại ở đồng bằng và ngăn người ta đi
hơn? Ay là thói quen, lòng sợ hãi sự đổi thay
nà trên đời này lại chẳng có cái gì tôi hai lần
ng nhà quê trẻ tuổi, mượn được tờ báo của n
áy người nhà quê khác nghe chung. Thú n
i. Bao nhiêu người chết! Bao nhiêu thành ph
thật là rùng rợn. Nhân loại lên con số rết, đ
h lại cắn mình, tự mình lại xé mình, để đổi
ên lại hé ra một ánh sáng mong manh. T
ộc chiến tranh này, có lẽ cuộc sống sẽ đ
nát ngay. Người ta chỉ được hưởng nh
chưa?

sắp Nam Cao, NXB Văn học, Hà Nội, 2004

TRUNG TRUNG ĐỊNH

– Chó cha, bắt được nó chớ.

Tôi bỗng thấy mình trở nên có vai trò quan trọng. Không thể hiểu nổi vì sao lập trường quan điểm của mấy anh du kích này lại thấp đến mức không thể nào thấp hơn đến như vậy. Rõ ràng là mình đang đánh nhau với nó, đang suốt ngày đêm phải chịu đạn bom của nó, sống chui, sống lùi cũng tại nó, vậy mà lại đơn giản và thiếu cảnh giác đến như vậy? Ý nghĩ ấy kích thích tôi và tôi cảm thấy máu quan điểm lập trường có tự trong tôi từ hồi nào được dịp trỗi dậy, mạnh tới mức, tôi một mực đòi hoặc giải ngay nó về cho cấp trên khai thác. Còn nếu không thể làm việc đó thì chỉ có mỗi cách là giải quyết nó đi. Không có cách thứ ba. Không có chuyện ăn chung, ở chung, lại còn cà cho nó tập nói tiếng mình nữa thì thật vô nguyên tắc, chẳng còn ra thề thống gì. Hình như lúc ấy tôi còn nói gay gắt hơn những gì tôi vừa viết ra đây. Bin tỏ ra nhận thức được ý nghĩa nghiêm trọng của sự việc. Cậu chớp chớp mắt, nói:

– Đê tôi nay họp, tui nói cho mấy anh rõ.

Tôi yêu cầu Bin đưa tôi ra chỗ rãy phía trước coi thử cái thằng Mỹ ấy thế nào.

Nhưng cậu ngập ngừng:

– Hay là tui và anh gặp anh Yơng nói chuyện...

Đó là lần đầu tiên kể từ khi lạc vào đây, Bin nhượng bộ tôi. Chúng tôi bỏ cuộc đi săn để trở về nơi ờ.

– Anh Yơng đi họp cán bộ rồi.

Mấy người đàn bà thông báo cho chúng tôi như vậy. Và tôi dấn thêm một nấc thang nữa:

– Hay mình cứ ra rãy coi thử.

Bin nhìn tôi, một lúc sau mới gật đầu.

Không có anh Yơng, nhưng có anh Miết và anh Ru. Hai anh được anh Yơng phân công vừa làm rãy, vừa coi chừng tên Mỹ. Thực ra việc làm những cái rãy còn con ở phía trước kiều này, chẳng qua chỉ là nhiệm vụ phải làm để giữ đất, để tạo không khí bình yên, chứ còn thu hoạch chỉ có ý nghĩa cải thiện. Hơn thế, làm rãy là một thói quen không thể bỏ. Để có rượu uống. Để có rau ăn. Để có bắp luộc, mía lùi. Để không bao giờ thiếu cà đăng và những thứ ăn vặt suốt ngày ăn, và đặc biệt là để có cái làm suốt ngày làm. Tôi nhận ra điều này không mấy khó khăn khi Bin bảo: "Chắc anh Yơng đi yêu cầu cấp trên cho gạo và muối."

Sự xuất hiện của tôi và Bin khiến anh Miết và anh Ru rất phấn khởi. Hình như hai anh đã phải chờ ở đây quá lâu rồi. Tôi thực sự ngạc nhiên thấy tên Mỹ cởi trần,

đóng khố, đang oắn mình bở những nhát rìu rất quyết liệt và chính xác vào thân một cây muồng vừa to vừa rắn. Hắn có vẻ như rất quen với nếp làm, nếp sinh hoạt ở đây. Tôi khoác súng lù lù tới gần nhìn hắn. Hắn vẫn chăm chú làm, chỉ thoảng ngưng lên nhìn tôi, thoảng nhoèn miệng cười, rồi lại tiếp tục công việc. “Bờ tở mới.”⁽¹⁾ – Anh Ru bảo hắn. Hắn buông rìu, dùng hai cánh tay quét mồ hôi mặt rồi lại nhìn tôi. Có lẽ sự có mặt của tôi làm hắn chột dạ. Vẻ mặt hắn chùng xuống, nhưng hắn cố gượng nói với anh Miết:

– Đák! Đák!⁽²⁾

Giọng hắn ồm ồm như hút hơi. Anh Miết ném cho hắn cái bi đòng US. Hắn ngừa cổ tu một hơi dài. Rồi lại tu tiếp một hơi nữa.

– Mắt kia?⁽³⁾ – Tôi đứng trước mặt hắn, hỏi bằng tiếng Ba-na.

Hắn run run chỉ vào bộ ngực rồng là của mình nhìn tôi. Tôi nhắc lại:

– E mắt kia?⁽⁴⁾

Hắn hiểu. Miệng hắn lắp bắp:

– Mắt ing Kon-lơ. Kon-lơ.

Tôi thực sự cũng chẳng còn biết hỏi gì thêm vì thậm chí vốn từ Ba-na của tôi có thể còn thua cả hắn nữa. Bin đứng nói gì đó khá nhiều với anh Miết, anh Ru. Có lẽ cậu đang phân giải những điều mà tôi vừa nói với cậu về lập trường, quan điểm, vì trong những câu dài dặc của cậu, tôi nghe rõ các từ ấy. Rồi Bin bảo tôi:

– Minh ăn cơm ở đây, chiều về gặp anh Yơng.

Tên Mỹ được anh Miết, anh Ru cho nghỉ. Được nghỉ là hắn xin xuống suối tắm ngay. Tôi tò mò nhìn theo cái dáng vừa gầy vừa cao của hắn khoác cái gùi to gấp đôi gùi thường, trong gùi chứa đầy những quả bầu khô đựng nước. Hắn đi chân đất. Tôi chợt mỉm cười thỏa mãn, thầm nghĩ. Cái trò này là của mấy anh du kích buộc hắn phải thực hiện. Chỉ trong vòng vài phút hắn đã gùi lên một gùi nước. Các động tác lên gùi, xuống gùi thành thạo của hắn không gây được chút cảm tình nào đối với tôi. Tự nhiên, không hiểu sao tôi lại bỗng thấy máu mình sôi lên, chỉ muốn nã vào mặt hắn một băng đạn. Đó là bộ mặt giả ngây ngô, giả khuất phục của bọn cướp nước, của quân xâm lược. Lần đầu tiên tôi nhìn tận mắt một tên xâm lược da đỏ au,

(1) Bờ tở mới (tiếng Ba-na): nghi cái đã.

(2) Đák (tiếng Ba-na): nước.

(3) Mắt kia (tiếng Ba-na): Tên gì?

(4) E mắt kia (tiếng Ba-na): Mày tên gì?

xác vào thân một
c sinh hoạt ở đây.
hoảng ngừng lên
ở mới.”⁽¹⁾ – Anh
lại nhìn tôi. Có
g hắn có gượng

ông US. Hắn

ai:

a của tôi có
Ru. Có lẽ
n điểm, vì

g suối tắm
gùi to gấp
chân đất.
cách buộc
Các động
o đối với
n nã vào
on cướp
la đờ au,

mắt xanh lè, mũi diều hâu, tóc tai, lông lá đều vàng như lông chó. Không thể đơn giản với bọn này được, tôi nghĩ. Chúng chỉ có thể lừa được mấy anh du kích rùng sáu chứ cánh bộ đội miền Bắc chúng tôi thì đừng có hòng!

Tôi treo vỗng chờ cơm, tiếp tục những ý nghĩ nặng nề về tên tù binh và mấy anh du kích đơn giản đến cả tin này. [...]

– Anh Bin, dậy ăn cơm nào.

Bin vỗ vào vỗng gọi, làm tôi giật mình. Tôi ngồi dậy. Trước mặt tôi là rá sắn lát nấu như cơm đã được đánh nát vụn. Một cái hăng-gô cà đắng ninh nhuyễn, nắp hăng-gô đựng muối hầm. Anh Ru bê từ bếp Hoàng Cầm ra một xoong canh chua lá bứa nấu với ốc và cá vụn, cua đá và cá mây con ngoé.. Anh đặt xoong canh, chỉ vào tên Mỹ đang cầm cái nắp hăng-gô chờ ăn, nói với tôi:

– No bát được ốc và cá dày. Giỏi hung thằng Mỹ này.

Thằng Mỹ nhìn tôi và Bin mim cười rồi cầm cái thìa, chỉ vào xoong canh mời tôi bằng tiếng Ba-na:

– Xa. Xa bé!⁽¹⁾

Tôi xúc một bát săn nấu và ít cà đắng, rắc muối lên rồi ngồi lọt trong vỗng nhai. Thực lòng tôi không muốn ngồi chung, ăn chung với tên tù binh xâm lược. Nhưng với anh Ru, anh Miết và cả Bin nữa, họ lại coi chuyện đó là quá bình thường. Trên cả bình thường. Tôi lặng lẽ ngồi ăn. Anh Ru lùa đũa khoắng một vòng nồi canh rồi vớt cho tôi con cua đá. Tôi kiên quyết từ chối. Nhưng anh còn cương quyết hơn. Anh dàn tay tôi xuống, nói:

– Lúc bắt được con cua này, mình định nướng cho anh, ưu tiên con Kinh mà.

Tôi miễn cưỡng nhận và thầm cảm ơn anh, nhưng tôi vẫn xé con cua làm đôi, bỏ vào ca của anh một nửa. Anh ngập ngừng rồi chẳng hiểu nghĩ thế nào, lại gấp nửa con cua từ ca mình, bỏ sang nắp hăng-gô cho thằng Kon-lơ. Kon-lơ gật gật đầu ra vẻ biết ơn. Hắn ăn những miếng rất to. Cái lối ăn miếng to ấy là kinh nghiệm ăn săn vụn với cà đắng và muối hầm, vì nếu ta ăn miếng nhỏ, cảm giác đắng sẽ tăng lên, thậm chí ta sẽ không tài nào nuốt nổi. Cứ phải tọng đầy mồm, nhai rõ to, tự nó sẽ tạo nên cảm giác ngon miệng. Nhất là khi nuốt, cần cỗ sẽ không bị cái lưỡi khôn ngoan đẩy cứng thức ăn trở lại. Đánh lừa được cái lưỡi của chính mình là nghệ thuật ăn kham khổ của chúng tôi, chỉ nhằm để nạp được năng lượng vào trong cơ thể. Áy thế mà đến cả nghệ thuật ăn của chúng tôi hắn cũng đã thành thạo thì quả thằng này không

(1) Xa. Xa bé: Ăn. Ăn đi!

những ý nghĩ nồng nè về tên tù binh và...
[...]

ng chi có thể lừa được, ngày xưa
tôi thi dứng có họng
vàng như vàng thau
nhưng tôi thi dứng có họng
vàng thằng vừa! Hắn nuốt một cách không mấy khó khăn trong khi tôi phải dựa vào
cánh mới lùa qua được cái họng khó tính, quen với cơm ngon từ hồi bé.

Giữa trưa nắng gắt. Máy bay mo-ranh, một loại máy bay trinh sát của Mỹ, kêu đều đều cứ bám riết lấy chúng tôi, mặc dù chúng tôi đã cố tình làm ngay để ý tới chúng. Nhưng sự dai dẳng của chúng, thêm nữa, trưa nay chúng bay chiếc, chiếc này vòng lên, chiếc kia chao xuống buộc chúng tôi phải cảnh giác. Thằng Mỹ Kon-lơ buông nắp hăng-gô, tôi thấy vừa con cua vẫn còn nguyên. Hắn rất nhanh qua cái ca US của Bin rồi xé đôi, bỏ vào đó một nửa. Bin xúc thêm một xéo sán đã được đánh nhuyễn với canh và cà đắng, thành một thứ sền sệt cho mồi, đoạn buông thia, chấm cá ngón tay vào muối, mút, rồi cầm miếng cua, xé bỏ lên ăn. Cậu ăn chậm rãi nhưng thật ngon lành.

Hai chiếc mo-ranh bắn hoả mù xèo xèo, sau đó là rốc-kết nổ đinh tai nhín hòn hòn hòn núi. Tôi cuộn vồng. Anh Miết, anh Ru vơ vội đồ đoàn. Bin vẫn ngồi chờ vào xoong canh mò thêm được con nhái lớn hơn đầu đũa. Cậu bê cả cái xoong lên húp. Thằng Mỹ Kon-lơ đón chiếc xoong từ tay Bin bỏ vào guì. Có tiếng đè-pa của pháo cỡ lớn nổ “ùng” rất to rồi ngay sau đó liên tiếp những tiếng nổ mà tôi không thể phân biệt được. Chúng tôi không ai bảo ai, cùng lăn xuống hầm. Thằng Mỹ ngồi sát bên tôi, mặt tái nhợt, căng thẳng. Hắn cố không động cựa, không thở. Nhưng trò đời, càng cố thì càng lộ liễu.

- Thằng Mỹ có càn to hung rồi.

Bin nói và leo lên khói hầm. Nhưng cậu tụt ngay trở xuống. Tiếng nổ rất đanh ngay trên đầu chúng tôi. Tôi ôm mặt cho đất trên nóc hầm rơi xuống, cảm thấy ngực bị những cú thoi giật này lên. “Nó bắn nát rãy mình rồi.” – Anh Ru nói, hình như anh đang nằm co dưới góc hầm, giọng run lẩy bẩy. Bin nói câu gì đó rất gay gắt với anh rồi dựng anh ngồi trở lại. Cứ chỉ thô bạo của Bin khác hẳn với cá tính thường ngày của cậu khiến tôi chột dạ. Pháo địch đã chuyển làn. Chúng tôi cùng nhau nhảy lên. Riêng có anh Ru là cứ lập bập leo lên tụt xuống. Mặt anh cắt không còn hạt máu. Tôi ngạc nhiên vì sự khiếp đảm của anh Ru. Tôi cứ tưởng các anh đã quá dạn dày với bom đạn, đã quen với tiếng nổ. Ấy thế mà anh Ru lại khác. Anh ngã bật ngửa khi tiếng máy bay phản lực xẹt sát trên đỉnh rừng cùng với tiếng bom, có lẽ trùng đám rãy mới phát. Tôi giúp anh khoác dây guì vào vai để kịp theo Bin đang ra hiệu cho tên Mỹ đeo cái guì của hắn.

- Mình phải về thôi. – Bin nói. – Tình hình có phức tạp hung đó.

Anh Miết khoác gùi đi trước. Rồi đến tên Mỹ Kon-lơ. Anh Ru lật đật theo hắn.
Bin bùm miệng kéo tôi lại, khẽ nói:

— Chó cha. Du kích tan hoang! Tan hoang, du kích tan hoang.

Và cứ thế, cậu vừa đi vừa hát, cái bài hát kì lạ mang lời “con kinh” dựa theo một lần điệu dân ca Ba-na. Nó vừa chứa chất một nỗi niềm thật cay đắng, chán chường, lại vừa hóm hỉnh khôi hài. “Tan hoang... Du kích tan hoang... ờ... Tan hoang ở tan hoang... tàn hoang.”. Không. Tôi không thể diễn đạt được, chẳng một thiên tài nào có thể diễn đạt được tâm trạng của chúng tôi trong lúc vừa chạy địch càn, vừa hát bài hát tự chế giấu mình và để động viên mình. Bin hát say sưa. Tất cả chúng tôi đều hát theo. Duy chỉ có anh Ru là cứ cầm cuì bước. Ừ nhỉ, còn tên Mỹ Kon-lơ, hình như hắn cũng hát, nhưng chắc chắn hắn không thể hiểu được ý nghĩa của bài hát là thế nào.

Lúc ấy tôi nghĩ thế.

(Lạc rừng, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2018)

Sông Côn mùa lũ

(Trích)

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(Tóm tắt: Tiểu thuyết “Sông Côn mùa lũ” kể câu chuyện xảy ra trong khoảng ba mươi năm cuối thế kỷ XVIII liên quan đến phong trào Tây Sơn và cuộc đời người anh hùng Quang Trung Nguyễn Huệ. Tác phẩm mở đầu ở thời điểm năm 1765 khi ông giáo Hiển mang cả gia đình trốn khỏi Phú Xuân, vượt đèo Hải Vân vào quê vợ, vùng An Thái - Quy Nhơn để lánh nạn Trương Phúc Loan. Tại đây, ông giáo Hiển làm quen với Nguyễn Nhạc, được Nguyễn Nhạc nhờ dạy dỗ hai em là Lữ và Huệ. Chuyện tình cảm và chiến công của Nguyễn Huệ gắn với sự xúp đỡ của vương triều chúa Nguyễn và những thành bại của phong trào Tây Sơn được tác giả thuật lại một cách hấp dẫn, lôi cuốn. Tác phẩm kết thúc ở thời điểm năm 1792 khi Nguyễn Huệ mất.)

Đoạn trích dưới đây thuộc chương 6 phần I, kể lại cuộc gặp gỡ giữa Huệ và An - con gái ông giáo Hiển.

Hôm nay ngày rằm, đến kì học ôn nên buổi học có vẻ nghiêm trọng khác thường. Nét mặt các cậu học trò đậm chiêu, lo âu hiện rõ trên nét lông mày. Với cái áo đoạn⁽¹⁾ màu đen, ông giáo cũng trở nên nghiêm khắc hơn. Đến nỗi Chinh,

(1) Đoạn: hàng dệt bằng tơ, mặt bóng, mịn, các sợi dọc phủ kín sợi ngang.

tinh tinh bộc tuệch vô tư như vậy mà buổi sáng hôm ấy cũng dậy từ lúc tinh mơ, một mình ra sau vườn chuối lâm nhâm đọc lại mấy trang sách chạ đã chỉ từ kí học trước.

Trong nhà học, ông giáo ngồi xếp băng ngay ngắn trên cái phản rộng, hai tay thu vào vạt áo đoạn. Bên cạnh ông, đặt một khay trà và một nghiên mực. Lữ kính cẩn đến trước mặt thầy, khom người xuống lấy một nhúm trà cánh nhỏ ướp sen bỏ vào cái bình da lươn, rồi đứng lên quay về phía trái nơi vẫn thường đặt lò than nấu nước sôi. Cậu không thấy ám nước đâu cả, đưa mắt ngầm hỏi em. Huệ gật đầu tỏ dấu hiểu anh muốn gì, bỏ lớp học đi về phía nhà bếp ông giáo. Cậu gặp An đang lui hui nhóm lại lửa trong bếp, cái ống trúc thỏi lửa vẫn còn cầm ở tay phải, tro bay vướng cà lên mái tóc rối. Đôi mắt An lo âu gần như xấu hổ bị Huệ bắt gặp trong hình dáng xốc xech đầu bù tóc rối thế này. Cả Huệ cũng không ngờ phải gặp con gái thầy giáo ở nhà bếp. Hằng ngày, việc nấu nước pha trà và cơm nước, Huệ phải i. Điều đó tự nhiên, vì Huệ là em. Va lại, cũng không có gì nặng nhọc. Hai anh em có mua ngoài chợ An Thái một cái lò đất nung. Gạo, than, thức ăn, ông biện gửi đều theo các chuyến thuyền chở muối, cá từ biển lên, và các chuyến ngựa thồ từ Tây Sơn thượng xuống. Số lượng thực phẩm quá nhiều vì ông biện nhân cớ tiếp tế cho hai anh em, gửi thêm gạo, muối, cá mắm thừa đủ cho gia đình ông giáo chi dùng. Ông giáo có ý muốn Lữ, Huệ cùng ăn chung với gia đình ông cho đỡ chuyện bếp núc phiền phức, nhưng ông biện nhất định không chịu. Ông biện có cái lí của mình. Thứ nhất, theo ông, học trò không được phép ăn chung mâm với thầy giáo. Hơn nữa, gia đình ông chỉ có bốn anh em, ông biện anh cả đã trưởng thành. May mắn em kế tiếp của ông biện khó nuôi, đã mất từ nhỏ hay ngay từ khi lọt lòng mẹ. Mười mấy năm sau mới nuôi được. Lữ, rồi Huệ và đứa em gái út. Gia đình anh em trai đồng nén con trai vừa lo việc cày bừa vừa lo chuyện bếp núc. Ông biện bảo chúng nó đi học thế này sướng gấp mấy ở nhà, không nấu bếp thì giờ để làm gì? Đi xa hơn, ông biện còn xem đó là một lỗi giáo dục hợp lí. Ông giáo không có cách nào khác hơn là để mặc cho hai cậu học trò tự nấu ăn lấy, chỉ lâu lâu, thỉnh thoảng sai Chinh hoặc Lãng đem qua cho hoặc một nải chuối mật hoặc một gói kẹo.

Hôm qua, Lữ vô ý vấp chân vào cái lò làm vỡ đi, nên sáng hôm nay, nhớ phận sự mình, Huệ sang bếp nhà thầy nấu nhò ám nước sôi từ sáng sớm. Cậu sợ làm phiền gia đình thầy. Cậu cũng sợ gặp con gái thầy ở nhà bếp. Cái gì đã khiến cậu dè dặt như vậy? Huệ đã nhiều lần tự hỏi và chưa tìm ra câu trả lời đích xác. Cậu không phải là người nhút nhát trước phụ nữ. Cậu cũng không vụng về trong cách gọi chuyện, bắt chuyện như Lữ. Dĩ nhiên cậu cảm phục cái tài lợi khẩu của anh cả, nhưng trong thâm tâm, cậu thấy anh cả nói nhiều quá, và trong những điều anh cả

nói với người khác trước mặt cậu, có nhiều điều không đáng nói hoặc chưa nên nói. Cậu chỉ muốn nói vừa đủ và đúng lúc. Cho nên, cậu cũng không ưa Lợi. Tuy đôi lúc hơi ghen tức trước sự thành công dễ dãi của Lợi đối với phụ nữ, Huệ không thấy các câu pha trò của Lợi có chút ý vị gì, thế mà chỗ nào có Lợi là có tiếng cười. Đám đàn bà con gái vốn e dè kín đáo là thế, mà gặp Lợi là bạo dạn bỡn cợt, cười nói tíu tíu. Rồi từ đó, Huệ xem thường luôn cả đám đàn bà con gái.

Cho đến ngày Huệ gặp An. Điều ghi dấu sâu đậm vào cảm quan của cậu, khiến cậu gần như sững sờ, là cái dáng điệu uyển chuyển, nhịp nhàng, linh động của An. Từ cách đưa ngón tay út lên vén nhẹ một mảng tóc loà xoà, cho đến cách đưa lưỡi liếm nhẹ lên môi trên, cách rót một tách nước trà, cách gật đầu nhận một lời chi bảo, tất cả, tất cả đều vừa độ cần thiết. Cử chỉ biểu lộ sự thân mật dịu dàng, đồng thời cũng giữ riêng cho An một sự bí mật tôn nghiêm. Huệ chưa từng bao giờ gặp sự hoà điệu như vậy giữa hai đôi môi màu hẫu uẩn là sự coi thường tình và sự gói ghém kiêu hãnh, nơi một người con gái. Cậu cũng ngạc nhiên khi thấy cô gái có dáng điệu trang nhã thân mật ấy còn giữ nguyên nét trẻ thơ trên khuôn mặt. Nước da ửng sáng trên đôi má bầu bĩnh. Cái môi trên mọng. Chỉ trừ đôi mắt buồn trước tuổi. Huệ nghĩ có lẽ nhờ đôi mắt ấy mà khuôn mặt và cử chỉ của An hoà hợp nhau, tiết ra một sức hấp dẫn lạ lùng. Cậu đau khổ công nhận giữa cái đẹp xa lạ ấy và mình có một hố cách biệt trang nghiêm; cậu không thể nói gì thêm, không thể phác một cử chỉ nhỏ, vì bất cứ hành động nào của cậu cũng trở thành vụng về, thừa thãi trước vẻ đẹp toàn bích ấy. Và lần đầu tiên trong đời, cậu thấy lung tung, thất vọng cho sự vụng dại của mình.

Suốt mấy tháng trợ học ở nhà thầy, Huệ chưa có lần nào nói chuyện tự nhiên với riêng An. Khám phá ra điểm yếu đuối của mình, cậu khổ sở. Lòng tự ái kiêu hãnh của người con trai bị âm thầm động chạm. Cậu ngại gặp An, như ngại soi gương thấy vài vết mụn trên da mặt dậy thì của mình. Thế mà buổi sáng nay, cậu không có lối thoát nào khác... nước sôi của cậu, An đã vẫn sang bên cạnh để bắc nồi nấu cháo cho thằng Út. Hơi nước còn bốc lên trên cái vòi âm. Tình trạng nhì nhằng bắt ngòi kéo dài, cho đến khi An cất lời trước. An đưa lưng bàn tay gạt mồ hôi trên trán và đùa mấy sợi tóc ướt qua thái dương, hỏi Huệ:

-... Nước đã sôi rồi. Anh cần lấy chưa?

Huệ không ngờ mọi sự tưởng như bế tắc lại có thể giải quyết một cách nhẹ nhàng tự nhiên như vậy. Huệ trả lời nhanh:

- Cho tôi xin cái ấm.

An bỏ cái ông thỏi lửa xuống, dùng tay phải nhắc cái ấm ra khỏi bếp. Khi
tay cầm ấm qua tay Huệ, An cười mím không nói gì. Huệ lì nhí cảm ơn, trở về
nhà. Cậu lầm bầm: hoá ra mọi sự vốn đơn giản như vậy. Không có gì ghê gớm
nỗi phải e ngại. Cậu cảm thấy lòng nhẹ nhõm. Lữ nhận cái ấm nước từ tay cậu
không thấy cậu vui. Huệ nghĩ: anh ấy sống hiu quạnh lẳng lẽ quá, chắc chưa bao
rất rồi như mình. Anh ấy cũng không nhận ra đột nhiên mình hồn hở đâu. Lữ
nước sôi vào bình trà dậy nắp lại, đứng chấp tay bên cạnh ông giáo chờ cho trà
đá trên nền đá có vân màu xám nhạt. Lữ cho là đã đủ thì giờ để nước đậm trà,
xuống rót thử vào cái chén sứ nhỏ bằng quả cau. Nước trà còn nhạt. Lữ cẩn thận
ng tí nước sôi đã rót sớm ấy tráng qua ba cái chén khác, rồi lại nghiêm chỉnh chờ
ông giáo nhìn quanh một lượt, thấy đám học trò đã đủ mặt. Ông bảo:

— Các anh ngồi xuống ca đì.

Học trò ngồi xuống hai cái ghế dài bằng gỗ đóng vội vừa tầm để kê giấy lên
phản mà tập viết. Lữ pha trà xong, bung một chén đến đặt trước mặt ông giáo.
— Anh để đấy. Hôm nay ngày vọng, ta học ôn khỏi phải học nghĩa. Các anh đã
tựучép

Đám học trò ngạc, không dám trả lời dứt khoát. Chỉ có Huệ trong cơn hờn hờ
nật ấy còn giữ nguyên nét trẻ thơ trên khuôn mặt và cí chỉ của

— Dạ đã hiểu hết!

Ông giáo mím cười nhìn Huệ. Ông thích thái độ dứt khoát ấy, thái độ mà suốt
câu ngai gặp An, như người ôn bài ngay.

(Sông Côn mùa lũ, NXB Văn học, Hà Nội, 2007)

Cơ hội của Chúa

(Trích)

NGUYỄN VIỆT HÀ

(Tóm tắt: "Cơ hội của Chúa" xuất bản lần đầu năm 1999. Tiểu thuyết kể về cuộc đời nhân
vật Hoàng cùng những người thân và bạn bè của Hoàng như Tâm, Lâm, Sáng, Nhã, Bình,...
lòng là trí thức mới sống trong giai đoạn giao thời, thông minh, có nhiều lựa chọn, nhiều khát
ong, nhưng hoang mang, lạc lõng trước hiện thực xã hội bônen bè vào những năm 90 của thế kỉ XX.

ồi bếp. Khi
a on, trở về
gì ghê gớm
từ tay cậu
chưa bao
ở đâu. Lữ
tờ cho trả
đò thám,
đậm trà,
cần thận
inh chờ.

Ấy lên
giáo.

nh đã

1 hờ

iết
uệ

Trái với Hoàng là Tâm, em trai của Hoàng. Tâm can đảm dấn thân và sẵn sàng trả giá cho những đam mê, khát vọng của mình. Trong mắt Tâm, Hoàng là "người tuyệt vời thông minh và nhân hậu duy nhất tôi được gặp".)

Đoạn trích dưới đây kể chuyện Tâm từ nước ngoài trở về. Hoàng đón em trai ở sân bay. Tâm gấp mẹ và bày tỏ cảm nghĩ của mình.

Về đến nhà, người đầu tiên tôi gặp là mẹ.

Nhân loại đã thật nhiều người ca tụng mẹ, tôi không ở ngoài thông lệ. Tôi còn được như tôi là nhờ ở mẹ. Tôi không đa cảm như Hoàng, không dễ khóc như bé Phượng, tôi ích kỉ nghĩ trong ba đứa con, mẹ quý tôi nhất. Những năm xa nhà, mẹ quanh quẩn trong giấc mơ tôi. Hồi tôi thi chuyển cấp I, mẹ đã dẫn tôi đến trường, tôi làm bài hết một phần ba giờ. Tan sớm mẹ ngồi ngóng ngóng ở góc sân với cái nón cũ. Buổi sáng khi tôi đi thi, lúc ấy tôi phở mậu dịch bán năm hào, tôi ăn hết suất đúp. Mẹ tôi xếp hàng chật vật chen ra đưa tôi hai tích kê bằng sắt dập nổi bốn chữ MDQD⁽¹⁾. Tôi ăn và biết có ép như thế nào mẹ tôi cũng không. Nắng ngai ngái cuối hè và bóng mẹ tôi lao đao, gày gò in vệt xuống sân đất. Gốc cây bàng cách cổng trường một khoảng có hàng bún rau, mẹ tôi thi thoảng lại nhìn, mẹ tôi nghiện ăn cua. Quanh năm suốt tháng lúc nào cũng thèm riêu hoặc canh. Tôi không chịu được mùi cua đồng. Mẹ tôi bảo vì tôi tuổi hùm nên thích ăn thịt. Năm 1972, mấy anh em tôi đi sơ tán về Ba la Bông đò⁽²⁾, mạn đường đi chùa Hương. Mỹ đánh bom Hà Nội ác liệt nhưng dân phố tôi chưa ai chịu đi. Mẹ tôi tin vào cái nhà thờ nho nhỏ sẽ che chở cho dân trong phố. Bọn Mỹ có là quý sứ thì cũng phải biết kính sợ Chúa. Bọn mất dạy ấy không sợ thật. Chín giờ tối sau lễ ngày Chủ nhật, dân phố kinh hoàng, không phải rốc-két hay tên lửa bắn lạc mà cả một dàn bom. Ông cha xứ mặc sơ mi, chân trái đá chân phải từ nhà nguyện chạy ra trú nhờ hầm nhà ông trùm Đạt. Một quả bom đánh sập mái chuông của nhà thờ. Ba mươi phút sau còi báo yên, dân phố lũ lượt tản cư về quê khỏi phải có lệnh ép từ tiểu khu. Ba anh em chúng tôi co ro trong hầm tăng xê tròn trong vòng tay mẹ. Bố tôi trực tự vệ cơ quan, tiếng bom gần đến tức ngực. Mẹ tôi lắp bắp đọc kinh và mỗi lần A men lại cầu nguyện "Lạy Chúa, xin Chúa ban bình an cho các con của con.", "Lạy Đức Mẹ nhân từ, xin Mẹ che chở cho các con của con.". Mỗi đợt bom, mẹ tôi phủ tấm thân gầy guộc lên ba anh em tôi. Tôi bình thản trú ẩn trong lòng mẹ bao la. Ở nơi sơ tán, tuần hai lần bố mẹ tôi lại vào thăm, từng chiều thứ Bảy tôi bỏ chơi đáo chạy một mình ra đầu làng đón mẹ.

(1) *MDQD* (từ cũ, viết tắt): mậu dịch quốc doanh; chỉ một loại buôn bán, kinh doanh do nhà nước quản lý..

(2) *Ba la Bông đò*: tên địa danh nằm trên mạn đường đi chùa Hương theo hướng Hà Nội – Vân Đình.

Hồi áy mì sợi và lương khô tàu là khao khát của tất cả bọn trẻ. Đột nhiên thần thoại là trong cái bao tải linh kinh mẹ đèo bằng xe đạp lăn ra hộp thịt ba lạng. Tôi đã ăn pa tê Pháp, thịt muối Đức, trứng cá Nga nhưng không sao nguội nỗi nhưng nhức nhớ hộp thịt Việt Nam quá đát thời sơ tán. Mở đã hơi chua mờ mờ viền thớ thịt óng ánh màu hồng nhạt. Phi hành lên sốt đậm với ít nước mắm quết từng đúp ăn với cơm mới đầu mùa. Tôi chờ mẹ tôi đến lúc Mặt Trời tắt từng vệt nắng cuối cùng trên cánh đồng nham nhở gốc rạ, thất thểu tôi đi về. Hoàng đang dạy hai đứa con nhà mì sợi. Bỗng từ đầu ao có nhiều tiếng người, hai anh xe thô khênh mẹ vào nhà với chân trái đầy máu. Bố tôi dựng cái xe Thống nhất dum dó bùn, mặt tái xanh lập cập. Qua Hà Đông một đoạn, mẹ tôi đánh rơi hộp thịt mua lậu của con phe chợ Hàng Da. Mẹ tôi bắt bố tôi quay lại để hai người tìm. Hộp thịt trước ba anh em tôi được ăn đã cách hồn mirri hai ngày. Mirri hai giờ trưa, đoạn Hà Đông – Cao Vĩ là điểm nóng của những trận bom, tất cả mọi người vội vã vượt nhanh khỏi cái nút của tử thần. Mẹ tôi luân quẩn hai mươi phút tìm bằng được hộp thịt. Còi báo động và một mảnh bom bi. Đến bây giờ, mỗi lúc chuyển mùa chân trái mẹ tôi vẫn nhức. “Mẹ” – tôi chỉ buột miệng được thế. Năm năm xa cách mẹ già đi nhiều. Bé Phượng ôm cánh tay tôi oà khóc, bố tôi chào tôi bằng tiếng Pháp, khi xúc động ông cụ hay bị lẩn lộn. Rồi mẹ tôi dọn cơm, một đĩa lớn giá xào với tim bầu dục, món tôi thèm và ưa nhất.

(Cơ hội của Chúa, NXB Văn học, Hà Nội, 1999)

6

Chim én bay

(Trích)

NGUYỄN TRÍ HUÂN

(*Tóm tắt: Sau tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân-1968, cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ của nhân dân miền Nam gặp rất nhiều khó khăn, tổn thất. Quân địch tổ chức những cuộc càn quét dai dẳng, tàn khốc, đẫm máu vào các thôn xóm cách mạng. Quân chủ lực buộc phải rút qua bên kia biên giới Việt - Lào. Lực lượng bám trụ còn lại phải rút vào hoạt động bí mật. Những tên ác ôn, phản bội như Hai Địch, Giám Tuân thẳng tay bắn giết người dân vô tội. Đối mặt với kẻ thù lúc này là những em nhỏ được tập hợp trong đội diệt ác ôn có tên Chim én. Quy gia nhập đội Chim én khi những người thân trong gia đình lần lượt bị địch giết hại. Cuộc chiến đấu của Quy và đội Chim én đã lập được những chiến công vang dội, nhưng sự tàn bạo của kẻ thù đã để lại những chấn thương tinh thần nặng nề trong kí ức của Quy.)*

Đoạn trích dưới đây thuộc phần gần cuối của tiểu thuyết, thể hiện cái nhìn bức rít của Quy trước hoàn cảnh bi kịch của vợ con của tên ác ôn, bộc lộ tinh thần hoà hợp, hoà giải, vượt lên hận thù của Quy (cô Tư).

Anh Cường nói với chị:

— Chị vợ thằng giám Tuân uống thuốc độc tự sát. Nghe nói thằng con thứ của chị ta không hiểu sao cũng bị xe cán chết trên quốc lộ 1. Người ta bảo hình như nó cố ý lao vào xe chứ không phải bị xe cán. Chị ta đang hấp hối bên bệnh viện. Cô thư kí văn phòng vừa qua bến, nói chị ta muốn gặp em. Em nên qua với chị ta một chút!

Chị nhìn anh Cường, như không hiểu anh nói gì. Thế là không kịp rồi. Chị vội thu dọn giấy tờ, quên cả khoá cửa phòng chạy nhanh sang bệnh viện.

Mấy bữa trước, sau lần gặp chú Tư Nhơn, chị đã bàn với nhiều người về việc khai phục những ám ảnh và quan niệm của mình với gia đình người quay, nguy quyền cũ, đặc biệt đối với vợ con những tên ác ôn đã bị giết chết. Đó là những cuộc nói chuyện căng thẳng nhưng cần thiết. Có người ủng hộ chị. Có người phản đối. Chị đã nói quyết liệt rằng, trong giai đoạn này, huyện ủy chủ trương những ai làm tốt nghĩa vụ công dân, dù xuất thân từ thành phần nào, có quá khứ thế nào đều đáng được khen ngợi. Riêng trẻ em, phải để chúng được bình đẳng như nhau, bởi chúng không hề tham dự vào tội ác của cha mẹ chúng và đừng đẩy chúng về phía tội ác mà lẽ ra chúng có thể xa lánh được...

Riêng trường hợp chị vợ thằng giám Tuân, ban chủ nhiệm hợp tác xã đồng ý chia lại ruộng khoán, nhận chị ta vào tổ hợp làm mè xứng, cho chịu tiếp số lúa còn nợ và cho vay thêm một khoản tiền, gạo khác để cứu đói.

— Em không biết vì sao người ta vẫn xa lánh những đứa trẻ. — Sau những cuộc tiếp xúc mệt mỏi ấy, chị nói với anh Cường. — Ai dám bảo đảm rằng, những đứa trẻ kia lớn lên sẽ thua kém con em chúng ta nếu như chúng được học hành đến nơi đến chốn. Tại sao gần một chục năm rồi, nhiều người có năng lực ở huyện ta vẫn chưa được giao việc xứng đáng chỉ vì họ phải gánh chịu một quá khứ nặng nề của cha mẹ họ. Tại sao ta lại phân loại, thành kiến, thậm chí còn xa lánh họ?

Anh Cường thở dài:

— Phá vỡ định kiến của một tập thể khó hơn nhiều việc phá vỡ định kiến của một vài người. Nhưng Tư coi, trong nghị quyết của huyện ủy đâu có khác những điều em vừa nói. Đừng vội phê phán. Mỗi giai đoạn có đặc điểm riêng, có những việc cần làm của nó. Cái gì mình chưa làm được ở giai đoạn trước, giai đoạn này

thể làm. Đừng vì một hoàn cảnh cụ thể mà dẫn tới những suy diễn không xác...

Trời ơi, anh không hiểu em. – Chị kêu lên bức bối. – Tôi vô Đảng ở trong tù, em mình phải bảo vệ cái gì, sống chết vì cái gì. Tôi không ưng cái cách biện hộ của anh. Lúc nào anh cũng kêu đổi mới. Nếu vẫn suy nghĩ vậy, tôi tin anh đổi mới được cái chi hết!

Rất ít khi chị và anh Cường tranh cãi gay gắt như vậy. Thường thì chị nghe anh anh bao giờ cũng nghe chị với một thái độ bao dung và độ lượng. Đôi lúc chị thấy anh có lí. Chỉ vì mẹ con người đàn bà ấy, chị đã nổi sùng lên với anh, u bắn, giận dỗi. Suốt ngày qua, chị đã làm mọi việc có thể làm để cứu giúp chị ưng vẫn không kịp. Chị ta đã lăn xuống vực và giờ đây, chị đang đứng bất lực ở vực đó.

- Tui tôi đã rửa ruột cho chị ấy. - Người bác sĩ trực nói với chị. - Nhưng
tuyệt đưa tới bệnh viện quá trễ nên chất độc đã ngấm qua thành ruột nhiễm
máu...

Chị hấp tấp bước vào phòng cấp cứu. Trên giường bệnh, người đàn bà nằm rũ
nh, khuôn mặt gầy võ, xám đen. Chị ta nằm bất động, nhỏ bé như một đứa trẻ. Vừa
tại tiếng chân chị, người đàn bà quay lại. Cái nhìn yếu ớt đọng rất lâu trên khuôn
đôi mắt đang lờ đờ của người đàn bà sáng vụt lên.

- Cô ngồi xuống đi cô Tư. - Người đàn bà cất tiếng nói nhỏ, đứt quãng. - Trước
chết, tôi muốn gặp cô... để nói một vài lời. Tôi biết cô không hề ghê tởm tôi như
người khác mặc dù cô có quyền ghê tởm tôi hơn ai hết... Cô đã thương tôi ...
sắp nhỏ. Tôi biết... - Chị ta dừng lại, nuốt nước miếng một cách nặng nhọc.
mắt cuồng cuồng tìm một vật gì đó ở xung quanh rồi lại đờ đẫn dừng trên khuôn
nặt chị. - Cô đừng nghĩ tôi là người... Tôi tinh táo lắm. Thằng con lớn của tôi
điên sang Thái... Mới đây nó gởi thơ về, nói sẽ tìm mọi cách để báo thù...
sợ quá... Cô nên giữ mình... Tôi hiểu những việc cô làm trước đây... Và bây
Tôi xin cô giúp đỡ thằng nhỏ... nó...

Người đàn bà chợt khóc nắc lèn. Tiếng nắc khô khan, nghẹt đứt nơi cổ họng.
- Đừng nói nhảm, chị Năm. - Chị nói luồng cuồng.

– Dừng nói nhảm, chị Năm. – Chị nói luồng cuồng như cõi níu kéo một cái gì
6. – Mọi việc khác lăm răm. Ráng điều trị cho khoẻ. Chị phải thông cảm cho em
nh lại đi, chị Năm...

Khuôn mặt xám đen của người đàn bà hơi rạng lên. Một chút màu hồng trở lại nhợt nhạt trên đôi gò má. Chị ta nằm yên với một dáng vẻ thật thanh thản. Nhưng chỉ được một lát, chị ta lại co gập người, giãy đạp, quằn quại, mép sùi ra những đám bọt màu sẫm. "Chị Năm, chị Năm.". Chị nghẹn ngào gọi. Nhưng người đàn bà như không nghe tiếng. Bàn tay chị ta quờ quạng tìm kiếm. Chị vội nắm lấy bàn tay già lạnh ấy. Trong hai hố mắt người bệnh úa ra hai giọt nước đùng đục. Chị ta lại nằm yên rồi cứ thế lịm đi, bàn tay đặt hờ hững trong bàn tay chị.

Buổi chiều, đám tang người đàn bà được thu xếp ngay tại bệnh viện. Một đám tang thật vắng lặng và nghèo nàn. Đi phía sau quan tài chỉ có dăm bảy người bà con xóm giềng. Họ đi vẫn với một thái độ chiêu lệ, ruồng bỏ. Chị ngạc nhiên vì không thấy thằng nhóc chị gấp bừa trước đâu. Có người nói hình như chị ta đã gởi nó đi một nơi nào đó.

Thế là kết thúc một cuộc đời. Một cuộc đời chắc chắn đầy cay đắng, tủi cực. Chị đã đưa người đàn bà đơn độc ấy đến khu nghĩa địa ở đầu thị trấn với một tâm trạng vừa buồn rầu, vừa lo sợ. Chị luôn thầm hỏi rằng, liệu những gì sẽ xảy ra, sắp xảy ra đối với cuộc sống đơn chiếc, quá ư mỏng manh của mỗi một con người?

(Chim én bay, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003)

Mùa lá rụng trong vườn

(Trích)

MA VĂN KHÁNG

(Tóm tắt: "Mùa lá rụng trong vườn" kể chuyện gia đình ông Bằng, một gia đình có tiếng là nền nếp, gia phong, sống tại một căn ngõ yên tĩnh ở Hà Nội. Ông Bằng có năm người con trai. Tường là con trai cả, đã hi sinh ngoài mặt trận. Hoài là vợ của Tường, đã tái giá nhưng vẫn thường xuyên có thư thăm hỏi gia đình. Cuộc sống êm đềm của nhà ông Bằng thay đổi khi Cù, người con trai thứ tư, bỏ việc, trốn ra nước ngoài rồi tự tử. Sự kiện này làm ông Bằng tái phát bệnh cao huyết áp và qua đời. Vợ và hai con của Cù đối mặt với nhiều khó khăn, phải nương tựa vào người thân. Trong tình cảnh đó, Luận, Phượng và Hoài tỏ ra có tinh thần trách nhiệm, biết yêu thương, sẵn lòng giúp đỡ vợ con Cù. Chuyện của Cù chưa nguôi ngoai thì xảy ra chuyện vợ của Đông và Lý. Lý mệt mỏi, chán chường khi phải sống với Đông, suốt ngày chỉ biết đánh tôm, không quan tâm đến vợ con. Bị vật chất cám dỗ, cô bỏ đi sống với một người đàn ông khác. Sau khi đã rời đi, Lý nhận ra lỗi lầm của mình và từ Sài Gòn, Lý viết thư ngỏ ý muốn quay trở về. Tác phẩm kết thúc vào một đêm giáp Tết, khi mọi người nhận được thư của Lý.)

Mắt
mút mùi x
Thật
khó khăn
công nh
Trà
cho bữa
món th
nấu lòn
chế bi
chia, n
Đ
nhất c
tính h
thay
từng
chia

Đoạn trích dưới đây thuộc chương 2, kể chuyện Hoài về thăm gia đình ông Bằng vào ngày 30 Tết.

Mọi người dạt ra, để trống một khoảng rộng trước bàn thờ.

Ông Bằng soát lại hàng khuy áo, chỉnh lại cái cà vạt, ho khan một tiếng, dìu chân lại trước mặt bàn thờ.

Hương cháy, uốn cong một đoạn tàn, bốc toả một làn khói ảo mờ. Hai cái bánh chưng bọc lá xanh tươi, buộc lạt điêu, xếp cạnh mâm ngũ quả và những chén rượu xinh xắn đặt rải hàng ngang trước bệ thờ. Ngọn đèn dầu lim dim in cái chấm vàng vào dãy khung ảnh đặt sát tường. Ảnh song thân ở chính giữa; bên trái, ảnh bà Bằng mặt họa da phấn, tóc vẫn khăn nhung, phía trái, ảnh anh cả Tường áo trấn thủ ô quả trám, mũ ca nô nghiêng, nét trắng đen đã phôi pha.

Ngước mái đầu hói, diềm tóc lơ thơ đã bạc hết, ông Bằng chắp hai tay trước ngực. Khói hương và khung cảnh trầm tĩnh đưa hiện tại về quá khứ. Thoáng cái, ông Bằng như quên hết xung quanh và bản thể. Dâng lên trong ông cái cảm xúc thiêng liêng rất đối quen thân và tâm trí ông bỗng mờ nhoà, phiêu diêu lảng đãng gần xa, ẩn hiện tầng tầng lớp lớp những ảnh hình khi tỏ khi mờ, chập chờn nhu trong chiêm bao. Thưa thầy mẹ đã cách trở ngàn trùng mà vẫn hằng sống cùng con cháu. Con vẫn vắng vắng nghe đâu đây lời giáo huấn của ông cha, tiên tổ. Con vẫn định ninh ghi khắc công ơn sinh thành dưỡng dục của thầy mẹ, gia tộc, ông bà, cha mẹ, tổ tiên, con như thấy từ trong tâm linh, huyết mạch sự sinh sôi này nở, phúc thọ an khang của cháu con đời đời nối tiếp trong cộng đồng dân tộc yêu thương. Và em, cùng con trai cả của ba mẹ. Em cùng con đã mất và vẫn hằng sống, hằng vui buồn, chia sẻ, đỡ nâng đỡ tôi cùng các cháu, các con, các em,...

Trong giây lát, nhập vào dòng xúc động tri ân tiên tổ và những người đã khuất, ông Bằng lâng lâng trong những hoài niệm hư ảo, thoát trần. Nhưng, quá khứ không cắt rời với hiện tại, tổ tiên không tách rời với con cháu, tất cả liên kết thành một dòng mạch bền chặt thuỷ chung, bởi vậy, chỉ lát sau trở về với những người đang sống và khoảnh khắc hiện tại, mắt ông bỗng cay xè. Ông vội cúi xuống, lật bật những lời cầu khấn thành kính và run rẩy:

— Hôm nay, ngày ba mươi tháng Chạp năm Bính Tuất, buổi tất niên, con cùng các nam tử, nữ tử, tôn tử,...

Dõi theo lời cha, Luận bỗng bấm tay Đông. Mắt Luận biến sắc. Rõ ràng là khi kể tên các con trai, ông cụ đã bỏ qua tên thằng Cù. Lý ngọ nguậy không yên, lát sau, ghé tai chị Hoài, hí hùng: “Chị ơi, em biết khấn đúng bài kinh nhà Phật cơ.”

Mắt chị Hoài đăm đắm ngước lên bàn thờ. Và khi ông Bằng vừa buông tay chấp, út mùi xoa lau mắt, lui ra, chị liền thế chân ông cụ, hai tay nâng lên trước ngực.

Thật là một mâm cỗ quá ư thịnh soạn vào cái thời buổi đất nước còn rất nhiều khó khăn sau hơn ba mươi năm chiến tranh và so với đồng lương có hạn của cán bộ, công nhân viên chức lúc này.

Tràn trề trên mặt bàn, chạm cả vào cành quất Lý cổ tình để sát vào mâm cỗ cho bữa ăn thêm đẹp, thêm sang, là la liệt bát đĩa ngồn ngộn các món ăn. Ngoài các món thường thấy ở cỗ Tết như gà luộc, giò, chả, nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, súp lơ xào thịt bò,... – món nào cũng mang dấu ấn tài hoa của người chế biến – là các món khác thường như gà quay ướp húng lùu, vịt tần hạt sen, chả chìa, mọc, vây,...

Đặc sản nhất, mà có lẽ Lý muôn bộc lộ khiếu năng, cùng tâm lòng mình nhiều nhất ở đó, là các món vịt tần, vây và mọc, nhất là món mọc. Chị đã rất ti mỉ và kĩ tính hết sức khi chế biến món này. Miếng thăn được chọn lựa, già thật nhuyễn nhừ thay cho giò sống được chính tay chị trộn với mộc nhĩ, nấm hương, rồi nặn thành từng viên tròn trĩnh. Nồi nước dùng đầm bảo phải trong veo. Và chính tay chị vớt, chia đều ra từng bát nhỏ.

Mọi người vào mâm, hân hoan khác thường.

(Tiểu thuyết Ma Văn Kháng, tập 3, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2003)

Trên bầu trời Au-xtéc-lít^(*)

8

(Trích Chiến tranh và hòa bình)

LÉP TÔN-XTÔI (LEV TOLSTOY)

(Tóm tắt: Tiểu thuyết "Chiến tranh và hòa bình" của Lép Tôn-xtôi kể về đời sống của cả dân tộc Nga thông qua các nhân vật thuộc năm dòng họ quý tộc có mối quan hệ tương tác lẫn nhau: Bônn-côn-xki (Bolkonsky), Bê-du-khôp (Bezukhov), Rô-xtôp (Rostov), Cu-ra-ghin (Kuragin), Dru-bét-xcôi (Drubetskoy). Trải nghiệm và tính cách của các nhân vật được bộc lộ trong bối cảnh lịch sử Nga, trải dài từ cuộc chiến tranh chống lại Na-pô-lê-ông (1805) cho đến trước cuộc Cách mạng tháng Chạp (1825). Tác phẩm không chỉ miêu tả sự tàn khốc của chiến tranh và vẻ đẹp của hòa bình mà còn phản ánh triết lí sâu sắc của Tôn-xtôi về lịch sử và tâm hồn Nga.)

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt. Au-xtéc-lít (Austerlitz): trận đánh xảy ra vào năm 1805 gần thị trấn Au-xtéc-lit, Cộng hoà Séc (Czech).

dưới đây thuộc phần I của tiểu thuyết, kể chuyện An-drây bị thương trong trận

trên cao nguyên Prát-den (Pratzen), ngay ở chỗ chàng ngã xuống, tay cầm cẩn cù, công tước An-drây nằm yên, máu cứ chảy ra từ từ. Chàng rên lên khẽ

tiếng rên ai oán nghe như tiếng rên cứu của trẻ con.

Đến chiều, chàng thôi rên và lặng hẳn đi. Chàng không biết mình lịm đi nhu thế

đó. Bỗng chàng lại cảm thấy mình còn sống và thấy trên đau nhói như có cái

quay ướp húng lùi, vịt tàn hạt sea

Bầu trời cao vời vợi mà trước kia ta chưa từng biết và đến hôm nay mới trông
bầu trời ấy bấy giờ ở đâu? – Đó là ý nghĩ đầu tiên của chàng. – Cả cái cảm giác

đó này nữa, trước kia ta cũng không biết. Phải rồi, từ trước đến nay ta không

gi cả, không biết chút gì. Nhưng ta đang ở đâu thế này?"

Chàng bắt đầu lắng tai nghe ngóng, và có thấy tiếng ngựa đang đi lại gần và
người nói bằng tiếng Pháp. Chàng mở mắt ra. Ở trên đầu, chàng thấy lại bầu
cao, vẫn bầu trời ấy và những đám mây lơ lửng còn cao hơn sáng nay. Qua mấy
mây ấy có thể thấy những khoảng không vô tận màu xanh ngắt. Chàng không
đoán biết là đang đi về phía chàng.

Những người cưỡi ngựa ấy là Na-pô-lê-ông và hai sĩ quan phụ tá đi theo ông.
Bô-na-pác-to⁽¹⁾ (Bonaparte) bấy giờ đang đi quanh chiến trường để ra những mệnh
nh cuối cùng tăng cường các pháo đội bắn vào con đê Au-ghết (Augest) và xem
những người tử trận hoặc bị thương còn sót lại trên chiến trường.

- Lính của họ khoẻ đẹp đấy. – Na-pô-lê-ông nói trong khi ngắm nhìn một người
hảo thủ Nga tử trận nằm sấp, mặt úp xuống đất, gáy đen sạm lại, một cánh tay đã
rung dang rộng ra một bên.

Vừa lúc ấy có một viên sĩ quan phụ tá từ các pháo đội đang bắn vào Au-ghết
cưỡi ngựa đến báo:

- Tâu hoàng thượng, đạn của các khẩu pháo yểm vị đã hết.

- Cho mang số đạn của đội dự bị lên. – Na-pô-lê-ông nói, rồi cho ngựa đi máy
pước nữa, đứng lại sát chỗ công tước An-drây đang nằm ngửa mặt lên, chiếc cán
cờ vứt lên cạnh (lá cờ đã bị quân Pháp tháo cát làm chiến lợi phẩm). Na-pô-lê-ông
nhìn Bô-nô-côn-xki, nói:

(1) Bô-na-pác-to: là Na-pô-lê-ông.

– Một cái chết rất đẹp.

Công tước An-đrây hiểu rằng những lời này nói về chàng và người nói chính là Na-pô-lê-ông. Chàng đã nghe họ gọi người nói câu vừa rồi là hoàng thượng. Nhưng chàng nghe những lời đó dường như chỉ là tiếng vo ve của một con ruồi. Chàng không những không lưu tâm đến câu nói đó, mà thậm chí cũng không buồn để ý nữa, và nghe xong là đã quên ngay. Đầu chàng nhói buốt; chàng cảm thấy máu mình đang cháy cạn dần và không thấy bầu trời ở phía trên, xa xăm, cao lồng lộng và vĩnh viễn vô tận. Chàng biết rằng đây chính là Na-pô-lê-ông. – Vị anh hùng của chàng. – Nhưng vào giờ phút này, chàng thấy Na-pô-lê-ông sao mà nhỏ bé, vô nghĩa quá chừng so với cái điều bấy giờ đang diễn ra giữa linh hồn chàng với bầu trời cao vô tận, với những đám mây bay lờ lững. Trong phút ấy, ai đứng bên chàng, nói gì về chàng, đối với chàng nào còn ý nghĩa gì; chàng chỉ mừng thầm rằng đã có người dừng lại ở bên chàng, và chỉ mong sao những người ấy giúp chàng trở lại cuộc sống, cuộc sống mà chàng thấy là vô cùng tươi đẹp, vì bấy giờ chàng đã hiểu nó một cách khác. Chàng thu hết tàn lực để động dậy một chút và kêu lên một tiếng. Chàng khẽ nhích chân lên và rên lên một tiếng yếu ớt, đau đớn làm cho bản thân chàng cũng thấy thương hại.

– À, anh ta còn sống. – Na-pô-lê-ông nói. – Đỡ anh bạn trẻ này dậy và đem về trại cứu thương!

Nói đoạn, Na-pô-lê-ông thúc ngựa đi về phía nguyên soái Lan-nét (Lannes) bấy giờ đang tiến lại gần ông, cất mũ, mím cười ngó lời mừng Na-pô-lê-ông về trận đại thắng vừa rồi.

Công tước An-đrây không nhớ gì thêm nữa: chàng đau quá ngắt đi mấy lần khi họ vực chàng lên cáng, khi họ đưa chàng đi và khi họ xem xét các vết thương của chàng ở trại cứu thương. Mãi đến hết ngày, khi họ mang chàng vào y xá cùng với các sĩ quan Nga khác cũng bị thương và bị bắt làm tù binh, chàng mới tỉnh dậy. Lần di chuyển này, chàng cảm thấy khoẻ hơn một chút, chàng đã có thể quay đầu hai bên và còn có thể nói được nữa là khác.

Câu nói đầu tiên mà chàng nghe được khi tỉnh dậy là lời của viên sĩ quan Pháp áp giải tù binh nói hấp tấp:

– Phải dừng lại đây với được. Hoàng đế sắp đi qua đây, nếu để ngài trông thấy các vị sĩ quan tù binh này, chắc ngài sẽ vui lòng lắm.

– Bây giờ tù binh nhiều quá, gần hết cả quân đội Nga rồi còn gì, thành thử chắc hoàng thượng cũng phát chán. – Một sĩ quan khác nói.

– Ô! Nhưng mà... nghe nói, vị này là tư lệnh của toàn thể quân cận vệ của hoàng đế A-léch-xăng-đơ (Alexandre) đấy. – Người thứ nhất nói, tay chỉ vào một sĩ quan Nga bị thương mặc quân phục kị binh cận vệ màu trắng.

Bôn-côn-xki nhận ra công tước Rép-nin (Repnin) mà chàng đã từng gặp trong những buổi tiếp tân ở Pê-téc-bua. Bên cạnh Rép-nin có một người thiếu niên mười chín tuổi, cũng là sĩ quan kị binh cận vệ.

Bô-na-pác-tơ phi ngựa đến, dừng lại. Trông thấy toán tù binh, ông nói:

– Ai là người cao chức nhất?

Họ đáp là đại tá công tước Rép-nin.

– Ông là vị chỉ huy quân đoàn kị binh cận vệ của hoàng đế A-léch-xăng-đơ phải không? – Na-pô-lê-ông hỏi.

– Tôi chỉ huy một tiểu đoàn kị binh. – Rép-nin đáp.

– Trung đoàn của ông đã làm tròn bổn phận một cách trung dũng. – Na-pô-lê-ông nói.

– Lời khen ngợi của một vị tướng lĩnh là phần thưởng đẹp đẽ nhất đối với một quân nhân. – Rép-nin nói.

– Ta rất vui lòng ban cho ông lời khen đó. – Na-pô-lê-ông nói. – Người trẻ tuổi nằm cạnh ông là ai?

Công tước Rép-nin đáp là trung úy Xu-kho-tê-len (Xukhtelen).

Na-pô-lê-ông nhìn người thiếu niên, mỉm cười nói:

– Còn trẻ thế mà đã đến đương đầu với chúng ta.

– Tuổi trẻ không hề cản trở người ta có lòng dũng cảm. – Xu-kho-tê-len đáp, giọng đứt quãng.

– Một câu trả lời hay. – Na-pô-lê-ông nói. – Anh bạn trẻ ạ, anh còn tiến xa đây!

Công tước An-đrây, bấy giờ cũng đã được đặt nằm ở phía trước ngay dưới mắt hoàng đế để cho bộ chiến lợi phẩm tù binh được trọn vẹn, không thể không làm cho hoàng đế chú ý. Na-pô-lê-ông hình như nhớ ra rằng đã trông thấy chàng trên chiến trường, liền quay lại nói với chàng, dùng mấy chữ anh bạn trẻ, – (jeune homme), là danh hiệu mà ông đã cho chàng lần gặp gỡ đầu tiên và nay hãy còn nhớ lại. Na-pô-lê-ông bảo công tước An-đrây:

– Còn anh thì thế nào, anh bạn trẻ. Anh thấy trong người thế nào rồi, anh bạn dũng cảm?

Tuy trước đây năm phút, công tước An-drây dù có thể nói mấy câu với những người lính cảng chàng đi, nhưng bây giờ chàng chỉ đưa mắt nhìn thẳng vào Na-pô-lê-ông và lặng thinh... Giờ phút này chàng thấy tất cả những điều Na-pô-lê-ông quan tâm đều vô nghĩa quá, ngay bản thân con người mà chàng sùng mộ, trong khi huênh hoang mừng rỡ về trận thắng, cũng nhỏ bé biết bao so với bầu trời cao cả, công minh và hiền hậu mà chàng đã trông thấy và đã hiểu thấu, đến nỗi chàng không thể trả lời Na-pô-lê-ông được.

Và lại, tất cả đều có vẻ vô ích và nhỏ nhặt so với những tư tưởng trang nghiêm và hùng vĩ trong tâm trí chàng khi chàng kiệt sức dần vì mất máu, trong khi chàng đau đớn chờ đợi cái chết đang đến gần. Nhìn thẳng vào mặt Na-pô-lê-ông, công tước An-drây nghĩ đến cái hư vô của danh vọng, cái hư vô của cuộc sống, mà chàng có ai hiểu được ý nghĩa, cái hư vô càng lớn lao hơn nữa của cái chết, mà không có người sống nào hiểu nổi và giải thích được.

Hoàng đế đợi mãi không thấy chàng trả lời, liền quay đi và dặn một viên sĩ quan chỉ huy:

— Phải săn sóc chu đáo những người này và đưa họ về doanh trại của ta; bác sĩ ngự y của ta là Lác-rây (Larrey) sẽ xem xét vết thương cho họ. Thôi, xin chào công tước Rép-nin.

Nói đoạn Na-pô-lê-ông giật cương ngựa cho phóng nước đại.

Gương mặt của ông tươi rói lên vì tự mãn và vui sướng.

Những người lính khiêng công tước An-drây trước đây đã cởi lấy chiếc ảnh thánh bằng vàng do công tước tiểu thư Ma-ri (Mary) đeo lên cổ chàng, nay thấy hoàng đế nói nồng ấm tồn với tù binh liền vội vã trả lại chiếc ảnh cho chàng.

Công tước An-drây không trông thấy người nào đã đeo lại bức ảnh và đeo vào lúc nào, chỉ thấy bỗng dung trên ngực mình choàng ra ngoài áo quân phục có chiếc ảnh nhỏ treo trên sợi dây chuyền vàng mỏng manh. Công tước An-drây ngắm bức ảnh mà em gái chàng đã thiết tha và cung kính đeo vào cho chàng, lòng thầm nghĩ:

“Giá mọi việc đều đơn giản và rõ ràng như công tước tiểu thư Ma-ri nghĩ thì hay biết mấy. Giá có thể biết được trên đời này nên tìm sự cứu giúp ở đâu và biết được là sau cùng cuộc sống sẽ có cái gì khi mình đã xuống mộ thì hay quá! Giá bây giờ ta có thể nói: Lạy Chúa, xin Người xót thương con, thì ta sẽ sung sướng và thanh thản đến nhường nào... Nhưng ta biết nói với ai nhu vậy bây giờ? Phải chăng cái sức mạnh huyền bí mơ hồ, mà ta không thể nào cầu xin được đã dành, nhưng thậm chí ta lại cũng không thể nào biểu hiện ra bằng lời nói được — chính là cái mèn

bao gồm tất cả hay là cái hư vô. Phải chăng đó là cái thuộc về đấng Thương công tước tiêu thư Ma-ri cát giấu trong lá bùa này? Không, không có gì thật ngoài sự hư vô của tất cả những gì mà ta hiểu được, và sự lớn lao của một cái gì thế hiếu nỗi, nhưng lại vô cùng quan trọng!"

Họ lại khiêng cáng đi. Cứ mỗi cái lắc chàng lại thấy đau không sao chịu nổi; thái sốt tăng lên, và chàng bắt đầu mê sảng. Hình ảnh của cha, vợ, em gái và con sắp ra đời của chàng, cùng cái cảm giác triu mến và chàng đã sống qua đêm trước khi ra trận, bóng dáng của Na-pô-lê-ông nhỏ bé, vô nghĩa, và bao nhiêu nhất cả những thứ đó là một bầu trời cao xanh. – Đó là những điều chàng mơ

Chàng mơ thấy cuộc sống bình lặng và cái không khí hạnh phúc gia đình êm ái ở Li-xy Gô-ri (Lysye Gory). Chàng đã bắt đầu được hưởng thụ cái hạnh phúc thiêng bỗng cái lão Na-pô-lê-ông nhỏ bé kia hiện ra với cái nhìn dừng đong, thiên và thoả mãn trước những nỗi bất hạnh của người khác, rồi những hoài nghi, nỗi thống khổ bắt đầu kéo đến, và chỉ có bầu trời kia là hứa hẹn sẽ cho chàng tĩnh. Đến sáng, tất cả những hình ảnh chập chờn trong giấc mơ pha trộn với hoà thành một khối hỗn mang mịt mù, chàng mê man không còn biết gì và theo ý kiến của chính Lác-rây ngụ ý của Na-pô-lê-ông, thì cứ tình trạng này nhân rốt cục sẽ chết chứ khó lòng mà qua khỏi được.

– Đây là một tạng người yếu thần kinh và sung mật; anh ta không qua khỏi đâu. – Lác-rây nói.

Công tước An-đrây, cùng với mấy người bị thương cũng không có hi vọng gì sót như chàng, được giao phó lại cho dân sở tại trông nom.

(Chiến tranh và hoà bình, tập 1, NXB Văn học, Hà Nội, 2017)

Thầy Uy-li-am trổ tài phán đoán^(*)

(Trích Tên của đoá hồng)

UM-BÉC-TÔ Ê-CÔ (UMBERTO ECO)

(Tóm tắt: Uy-li-am⁽¹⁾ xứ Bát-cơ-vin (Baskerville) cùng học trò là chủng sinh Át-sô (Adso) Men (Melk) viếng thăm một tu viện giàu có toạ lạc biệt lập trên một ngọn núi hẻo lánh ốc dãy A-pen-nin (Apennin) nước I-ta-li-a (Italia). Số mệnh của Uy-li-am là dàn xếp tại đây

Nhan đề do người biên soạn sách đặt.
Uy-li-am: William.

một cuộc gặp gỡ giữa các đại diện của Giáo hoàng Gioan (John) và Hoàng đế Lüt-vich (Ludwig) nhằm tiến tới giải quyết xung đột quyền lực và tôn giáo phرق tạp đang xảy ra giữa họ. Khi đến tu viện này, một tu sĩ đã chết một cách bí ẩn và Uy-li-am được tu viện trưởng A-bô (Abo) uỷ thác điều tra. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thông qua việc diễn giải các văn bản và nhiều dấu vết khác, nhất là thông qua những cuộc trò chuyện với các thầy dòng trong tu viện này, hai thầy trò Uy-li-am đã tìm ra kẻ giết người bí ẩn và sự liên quan của kẻ thù ác đến một văn bản bàn về hài kịch đã thất truyền của A-ri-xtolt (Aristotle) bị che giấu trong mê cung thư viện.)

Đoạn dưới đây thuộc phần đầu của tiểu thuyết, kể chuyện Uy-li-am và Át-sô tới chánh tu viện, tại đây thầy Uy-li-am chứng tỏ tài phán đoán tinh tế của mình.

Đó là một buổi sáng đẹp trời cuối tháng Mười một. Đêm hôm trước trời trờ tuyêt, nhưng ít thôi, nên tẩm mản lạnh lẽo phủ kín mặt đất chỉ dày không quá ba ngón tay. Ngay sau giờ Kinh Ngợi Ca, thầy trò tôi rước lễ Mi-xa (Misa) trong màn đêm tại một ngôi làng dưới thung lũng. Rồi vừa chớm hừng đông, chúng tôi đã khởi hành trên núi.

Tôi trông thấy tu viện khi hai thầy trò còn đang vắt và leo con đường dốc vòng veo quanh sườn núi. Không phải những bức tường bao quanh bốn phía khiến tôi ngạc nhiên, chúng giống những bức tường ta vẫn thấy ở mọi nơi khác trong thế giới Cơ Đốc giáo thôi, mà là vẻ đồ sộ của tòa nhà về sau này tôi được biết là Chính Toà Tu viện kiến trúc hình bát giác, song nhìn từ xa giống hính tứ giác (Đó là hình khôi hoàn hảo thể hiện thành phố của Chúa Trời vững chãi và bất khả xâm phạm.). Các mặt phía nam nằm trên khoảnh đất bằng phẳng của tu viện, trong khi mặt phía bắc như mọc lên sừng sững từ vách đá dựng thẳng. Có thể nói rằng đứng tại một số chỗ từ dưới nhìn lên thấy vách núi như vươn thâu trời xanh, và tới một độ cao nào đó, không thay đổi chất liệu và màu sắc, liền biến thành ngọn pháo dài và những toà tháp, như công trình của các vị thần không lồ thân thuộc với cả bầu trời lẫn mặt đất. Ba hàng cửa sổ nhấn mạnh tu viện hướng lên cao theo nhịp tam vị nhất thể, khiến cho từ thực thể hình dáng vuông vức trên mặt đất, toà nhà vươn lên thành hình tam giác về mặt tâm linh trên trời. Khi đến gần hơn, thầy trò tôi mới thấy ở mỗi góc toà nhà vuông vức này đều có một ngọn tháp hình thất giác mà năm cạnh lộ ra ngoài – khiến cho bốn trong tam cạnh của khối bát giác lớn tạo thành bốn khối thất giác nhỏ hơn, nhưng nhìn bên ngoài cứ như các khối ngũ giác. Như thế, ai cũng có thể nhận thấy sự hoà hợp tuyệt vời của bảy nhiêu con số thiêng liêng, mỗi số biểu hiện một ý nghĩa tâm linh cao cả: tam là con số hoàn hảo cho từng tứ giác, bốn là con số của Phúc âm, năm là năm vùng trên Trái Đất, bảy là số tài năng của Chúa Thánh Thần. Về mặt quy mô và hình dạng thì Chính Toà trông giống các toà thành U-si-nô

(Ursino) hay Đen Mông-tơ (del Monte) mà sau này tôi thấy ở miền Nam bán đảo Ý, nhưng do vị trí hẻo lánh nên nó trông bí ẩn hơn những ngôi thành kia, khiến cho khách lang du khi tiến lại gần không khỏi rung mình sợ hãi. May mà lúc ấy là một sáng mù đông rất quang đãng nên tôi không phải thấy nó là lần đầu như lúc nó hiện ra vào ngày đông bão.

Tuy nhiên, tôi không nói rằng nó đã gây cho tôi cảm giác hào hứng. Vì tôi thấy sợ hãi và bát an làm sao ấy. Có Chúa chứng giám, đó không phải là những tưởng tượng huyền hoặc trong tâm hồn non nớt của tôi, mà tôi đang diễn giải đúng đắn những điều triết lý hàn rô rệt trên tảng đá từ thời những vị không lò khói sự công trình của họ, trước khi các tu sĩ quyết định dâng hiến tòa nhà này làm nơi gìn giữ lời của Chúa, nhưng thật hoài công.

Khi mây con la nhỏ của thầy trò tôi cố gắng sức leo nốt khúc quanh cuối cùng, chồ con đường mòn chính chia ba, tạo nên hai đường nhánh nhỏ, thầy tôi dừng lại một lát, nhìn con đường với hai bên lối đi và khúc phía trên, nơi rặng thông vạn niên thanh kết thành một vòm mái thiên nhiên phủ trắng tuyêt.

— Tu viện này giàu đăc. — Thầy nói. — Tu viện trường ua phô trương hào nhoáng vào những dịp lễ lạt.

Vì đã quen nghe thầy có những nhận xét hết sức là thường nên tôi không hỏi gì cả. Vừa đi được một quãng, chúng tôi nghe tiếng ồn ào và thấy một nhóm thầy lảng. Nhắc thấy thầy trò tôi, một người trong bọn họ liền tiến tới, von vã chào hỏi:

— Kính chào Huynh! Xin chờ ngạc nhiên nếu tôi đoán được huynh là ai, bởi chúng tôi đã được thông báo về chuyện viếng thăm của huynh. Tôi là Re-mi-giô (Remigio) xú Va-ra-ghin (Varagine), quản hầm của tu viện. Nếu đúng là sư huynh Uy-li-am xú Bát-cơ-vin, tôi tin thế, thì Tu viện trưởng phải được thông báo ngay. Nay, huynh kia. — Ông ta ra lệnh cho một người trong đám. — Chạy về báo rằng khách của chúng ta sắp vào trong khuôn viên nhé!

— Cám ơn huynh quản hầm. — Thầy tôi lẽ độ đáp. — Tấm lòng lịch sự của huynh khiến tôi trân trọng bội phần, vì huynh đã bỏ sở việc tìm kiếm của mình để chào đón tôi. Nhưng huynh đừng lo, con ngựa áy đã chạy qua đây, rồi rẽ vào con đường nhánh bên phải. Nó không chạy xa đâu, vì sẽ phải dừng lại khi gặp ụ phản. Nó khôn ngoan lắm, không phóng xuống vách đá dốc đứng đó đâu...

— Huynh thấy nó hồi nào? — Quản hầm hỏi.

— Minh đâu có thấy nó, phải thế không, Át-sô? — Thầy Uy-li-am vừa đáp vừa quay nhìn tôi với vẻ thích thú. — Nhưng nếu huynh tìm con Bru-nen-lút (Brunellus) thì con ngựa áy chỉ có thể ở nơi tôi vừa nói.

in Nam bán đảo
h kia, khiến cho
tà lúc ấy là một
thứ lúc nó hiện

ng. Vì tôi thấy
những tượng
tai đùng đán
chơi sự công
ri gìn giữ lời

cuối cùng,
đi dừng lại
g vạn niên

lông hói
ôm thày
ộ vẻ lo
io hoi:
ai, bởi
ni-giô
uy nh
ngay.

rằng
ynh
lào
ng
òn

Viên quan hàm lưỡng lự. Ông nhìn thày Uy-li-am, rồi con đường nhánh, cùn

g lên tiếng hỏi:

- Bru-nen-lút à? Sao huynh biết?

- Thôi mà, thôi mà. - Thày Uy-li-am đáp. - Rõ ràng huynh đang tìm Bru-nen-lút, oto trầy móng n
còn ngựa cung của Tu vien trưởng, nhanh nhất trong chuồng ngựa của các vị, mìn
con ngựa ô, cao mươi lăm gang, đuôi dày, vó tròn và nhỏ, nhưng bước chân đều
đắn; đầu thon, tai thính, mắt to. Nó rẽ phải, như tôi vừa nói. Nhưng huynh phải gấp
gấp lên đây.

Viên quan hầm lưỡng lự một chút nữa, rồi ra hiệu cho nhóm người của ông ta
tiếp tục leo dốc. Quá đỗi tö mò, tôi định hỏi thày Uy-li-am, nhưng thày ra hiệu bảo
tôi chờ: quả nhiên, ít phút sau, chúng tôi nghe tiếng reo hò phản khói, rồi đám tu sĩ và
người làm lai hiện ra ở khúc quanh phía sau lưng, nắm dây cương kéo theo con ngựa
kia. Khi đi ngang hai thày trò, họ liếc nhìn chúng tôi với vẻ kinh ngạc, rồi phóng về
tu viện trước. Tôi tin rằng thày Uy-li-am cũng có tình cho la chậm bước để họ có
đủ thời giờ thuật lại những việc vừa xảy ra. Tôi từng nhận thấy khi muốn chúng tôi
sự nhạy bén của mình thì thày tôi, dẫu cục ki đạo hạnh về mọi mặt, vẫn không thoát
khỏi bệnh tự cao tự đại. Do đánh giá được tài ngoại giao tinh tế của thày, tôi hiểu thày
muốn uy danh của một bậc trí giả được người ta biết trước khi thày tôi.
- Giờ xin thày cho con rõ. - Cuối cùng tôi không nhịn nổi nữa. - Làm sao thày
biết được thế a?

- Át-sô yêu quý của ta. - Thày tôi đáp. - Suốt cuộc hành trình ta đã dạy con
nhận ra những dấu hiệu, qua đó thê giới - như một quyển sách lớn - ngo lời với
chúng ta. Thày An-la-nút áp In-su-lít (Alanus ap Insulis) từng bảo rằng:

Mọi tạo vật trần gian

Đều gần như sách, như tranh

Và như tấm gương soi đối với chúng ta.

Khi nói đến điều này, ông đã nghĩ tới kho tàng vô tận những biểu tượng mà
Chúa, thông qua các tạo vật của Người, phán truyền với chúng ta về cuộc sống
vĩnh hằng. Nhưng vũ trụ còn giàu lời hồn thày A-la-nút từng nghĩ, nó không chỉ nói
về những điều tối thượng (luôn nói một cách mơ hồ) mà còn về những điều thật già
gũi, lúc ấy nó lại nói rất rõ ràng. Ta hơi ngượng khi phải nhắc cho con những điều
lẽ ra con phải biết rồi: tại ngã rẽ ấy in rành rành trên tuyet trắng tinh khôi đầu ch
ngựa chạy về phía đường nhánh bên tay trái chúng ta. Đầu chân dày đắn và c

một phái, và rõ
một chút như trong giao
tối tay, rồi
định phái, và
tôi hỏi, trong hiếu
phía nghe thầy lúc ch
ết sau tiếng U-li-mi nh
i-am chúng nán hổ như

họ thấy móng nó nhỏ và tròn, nó phi nước kiệu đều đặn khiến ta suy đoán ra
đinh nét con ngựa và nó không phồng cuồng như một con thú điên. Chỗ rằng
lao thành cái mái vòm tự nhiên có vai cành con ở độ cao năm bộ vừa mới gãy.
bụi dâu tằm, nơi con vật ngoặt vào đường nhánh bên phải nó, nó vừa chạy vừa
cái đuôi tuyệt hảo, còn vướng vài sợi lông đèn tuyển giữa những bụi gai...
cùng, hẳn con không định bao rằng con không biết đường nhánh đó dẫn dụ tôi
vì ngay từ khi đi qua khúc quanh dưới kia, chúng ta đã trông thấy rác tràn
vách đá dốc dưới ngọn tháp phía đông, làm bẩn bãi tuyêt. Theo vị trí ngã rẽ
đan dường mòn nọ chỉ có đè dồn đến hướng đó thôi.

Vâng a. – Tôi nói. – Nhưng con cai đầu thon, đói tai thính và cặp mắt to?

Ta không biết nó thật có những đặc điểm đó chăng, những rõ ràng các ông
đồng kia tin như thế đấy. Ngài I-si-dô (Isidor) xứ Se-vin-la (Sevilla) dạy rằng
con tuấn mã phải có “đầu thon, da khô áp sát vào xương, tai ngắn và nhọn, mắt
ở mũi nở, cổ thẳng, bờm và đuôi dày, móng tròn và chắc”. Nếu con ngựa ta đoán
đúng thật là con chiến nhất trong đàn thì chỉ cần bọn mã phu chạy tìm cũng
được này quản hầm đã đích thân phụ trách việc lùng kiếm. Và khi một tu sĩ
tại đạo hành về thấy kíp, đồng thời với con ngựa là tuyệt hảo, thi bắt kè đáng nó thật sự thế nào, ông ta sẽ chỉ thấy
túi ngoại giao tinh tế của thầy kíp như các bậc có thẩm quyền miêu tả. Nhất là... – Thầy mím cười nhìn tôi vẻ tinh
tôi không nhín nổi nữa. – Lần

- Vâng a – Tôi nói. – Nhưng sao lại là Bru-nen-lút?

Suốt cuộc hành trình ta đã gặp ai? – con trai của ta ha! – Thầy la lên. – Có thể gọi tên một con ngựa như thế bằng
Insulis) tung bao rằng
Bru-nen-lút mà.

Thầy tôi là như thế đấy. Thầy không chi biết cách đọc quyển sách vĩ đại của tư
diễn mà còn biết cách các tu sĩ đọc Kinh Thánh như thế nào và qua đó suy nghĩ
lao – và, như chúng ta sẽ thấy, khả năng này sẽ rất hữu ích cho thầy tôi trong
lặng ngày sắp tới. Hơn nữa, lúc ấy tôi thấy lời thầy giải thích thật quá hiền nhiên,
mến nỗi hổ thẹn của tôi do không tự tìm ra được những điều đó liền được bù đắp
với chúng ta về cái sự hiền niêm tự hào minh là người đã tham gia việc tìm kiếm và tôi suýt tụ chúc mừng
sự hiếu biết sắc bén của bản thân. Sức mạnh của sự thật là thế đấy, khiến nó tự
ing nghĩ, nó không thể
hết về những điều kia
lặng ta đã ban cho tôi phát kiến tuyệt vời này!

(Tên của áo hồng, NXB Văn học, Hà Nội, 2013)